TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Đức khiêm-tốn... — *Hoa-Bằng*
* Văn-hóa vật-chất (II) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Những ông nghè triều Lê (XVII) — *Ứng-Hòe*
* Tả-quân Lê-văn Duyệt (Hết) — *Nguyễn Triệu*
* Đại-Nam dật-sự (IV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Nền hương-học xứ Bắc-kỳ — *Nhật-Nham*
* Luận về tư-duy (Hết) — *Nguyễn-đình-Thi-*
* Indrapura (Đồng-dương) (I) — *Dương-Kỵ*
* Nam-đàn bát châu thi thảo (XVI) — *Tùng-vân đạo-nhân*
* Tạo-hóa và nhân-loại (III) — *Minh-Tuyền*
* Đêm hội Long-trì (Hết) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 107
Thứ năm, 12 Août 1943

0$30

Đức khiêm-tốn cần phải có trong đám nhà văn ta

HOA-BẰNG

ĐỨC khiêm-tốn là một phương thuốc để ta dịu bớt những hiếu-thắng, phụ khí và tự-ái quá lẽ. Ai có khiêm-tốn thì mới tĩnh trí, bình tâm, biết nghe lời phải, phục điều thiện.

Đông-phương có câu : « *Dũ học, dũ ngu* ».

Phải, mênh mông bể học, biết đâu là bến-bờ, người ta càng học lại càng thấy mình còn dốt. Có biết dốt thì mới cố gắng mà tiến lên được. Cho nên, ở đời, dẫu đến những bậc đại thánh, đại triết, đại hiền, cũng không ai dám tự phụ là mình đã thật giỏi mười mươi, thật biết được hết mọi sự, mọi đều, mọi mặt.

Thánh như Khổng-tử, thế mà ngài còn không dám tự mãn tự lúc, lúc nào cũng canh-cánh trong lòng, chỉ muốn học thêm, chẳng thế ngài đã phải nói : « Giả ngã số niên tốt dĩ học Dịch » (Giá cho ta sống thêm vài năm nữa, thì thế nào cũng học cho trọn kinh Dịch).

Ông Isaac Newton (1642-1727), một nhà học-giả nổi tiếng, chắc các bạn không còn lạ đối với con người thông tuệ ấy, thế mà khi sắp mất, ông có nói câu này rất đáng cảm phục : « Học vấn như biển khơi. Những cái tôi sở đắc mới chỉ là hòn sỏi, mảnh cuội ở bờ biển ; kỳ-dư còn phải mong đợi ở các hiền-giả sau này. »

Thế đủ biết thánh hiền đông tây ai cũng phải nhún vai lè lưỡi trước cái man-mác vô-cùng của biển học, chứ không ai dám vỗ ngực mà nói bằng giọng tự-hào : « Ta đã giỏi đây ! Ta đã thánh đây ! »

Tự-phụ là giỏi, là thánh, họa chăng chỉ có hạng người nông-nổi, hẹp-hòi, không biết gì mấy...

Một khi họ đã viết được câu văn, làm được câu thơ, mặc dầu văn ấy, thơ ấy không có giá-trị gì ở trước cặp mắt thức-giả, nhưng theo ý họ, họ đã là những bậc « văn hào », « thi bá » hoặc « thánh con » cả rồi. Đối với họ, trời đất là nhỏ, vũ-trụ là hẹp, mọi người xung-quanh là đồ bỏ đi, không còn một ai đáng đếm xỉa nữa.

Nhất là, khi nào họ đã tự mạng là chiếm được một chỗ ngồi trên chiếc chiếu van, thì lòng kiêu-căng của họ lại càng lên tới tột bực : Đây là một nhân-vật bất-hủ trên hoàn-cầu ! Đây là một cứu-tinh của dân-tộc Đại-Việt !

Với lòng tự ái cực điểm, họ chỉ muốn người khác phải ca-tụng họ, phải khen-tặng họ, chứ không ai « được phép » chỉ-trích những chỗ hỏng, chỗ sai của họ mà « quấn dai ! » Nếu quả vậy, họ là « học phiệt », họ là hạng độc-quyền dư-luận, chuyên-chế tư-tưởng ở xứ này !

Trong văn-học-giới ta nay, nếu ai ai cũng chực làm « học phiệt » như thế cả, thì sao còn gọi là kiểm-điểm lẫn cho nhau, cắt, gọt, mài, rũa lẫn cho nhau để đi đến cái mục-đích giúp ích lẫn cho nhau và bổ túc lẫn cho nhau nữa ?

Vua Trần Anh-Tông sai đốt tập *Thủy vân tùy bút* (1) của ngài, nên thơ ngài chỉ còn sót lại một vài bài sau cơn khói tan, tạo vạc.

Cụ Nguyễn Mai-Sơn cũng tự mình đốt một mớ thơ mà cụ đã ngâm vịnh ở những lúc hoa nở, trăng lên, song đào thêm hương, chén trà quện khói...

Tại sao các cụ nhà ta có những hành vi ấy ? Có lẽ các cụ cho rằng sự-nghiệp vĩ-đại của đời người không phải ở như mấy câu thơ quên, mấy giòng tiểu xảo ? Hoặc giả các cụ lại nghĩ những bài thơ ấy hãy còn non nớt, tầm thường, không có gì đáng « vấn thế » chăng ? Dầu sao mặc lòng, đó cũng là một tấm gương sáng, một bài học hay về đức khiêm-tốn !

Một nhà học-giả kia có nói chuyện với tôi rằng, trải 20 năm, đã từng cầm bút phê-bình trên mặt nhiều tờ báo tây. Có làm tác-giả người Pháp bị bắt-bẻ chỉ-trích về mặt văn-học hoặc sử-học, ban đầu họ tuy cũng khó chịu, nhưng rồi họ thấy mình do lòng thành-thực mà nói, họ cũng phục thiện, vẫn đến chơi trò-chuyện, vẫn niềm-nở tay bắt mặt mừng.

Tôi cười, đáp :

— Đó vì người ta không lẫn cá-nhân với học-thuật. Học-thuật là học-thuật ; cá-nhân là cá nhân. Ta cần phải nhận rành ở chỗ ấy.

Như vậy, lại cần phải có đức khiêm-tốn thì mới bình-tĩnh trong lòng mà nhận rành được.

Tác-giả cuốn *Khoa học danh từ* có nói ở chỗ *lời đầu* sách đó rằng mình chỉ là một kẻ mù trong đám người mù, một kẻ điếc trong đám người điếc...

Phải lắm, chúng ta có thành-thực khiêm-tốn như vậy thì mới chịu ráng sức mà tiến-tới lên, rồi tương tư trong trợ lẫn nhau, một ngày kia chúng ta mới có hi-vọng sáng mắt thông tai được.

Phải chăng, hơn lúc nào hết, lúc này ta cần phải có cái đức khiêm-tốn để tiến-thủ từng tấc từng gang ?

H. B.

(1) Khâm định Việt sử, quyển 9 tờ 16 a.

VĂN HÓA VẬT-CHẤT

Số 2

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN TỐ

GIỐNG người chim-chích (pygmées, pygmoïdes chỉ có một thứ khí-giới là cái cung, hạng rất nhỏ. Ở Phi châu thì cánh cung bằng gỗ tròn; ở Á-châu thì nửa trong tròn, mặt ngoài phẳng; cũng như cung ở Nouvelle-Guinée. Ở Phi-châu lấy nguyên miếng da cây làm dây cung; ở Á-châu đã biết làm bằng sợi cây, như người Mélanésiens và người Nam-Mỹ. Chỗ buộc dây cung cũng làm ra hai lối: một lối vót nhỏ hai đầu cánh cung, một lối tiện một đường lõm xuống ở hai đầu, tức là chỗ buộc dây. Ở Phi-châu có khi lại buộc ngoặt đi ngoặt lại như lối tết nút.

Người chim-chích Andamans có một thứ cung như hình chữ *S* nằm; họ bắn rất tài, cho nên dùng cung này bắn rùa bể thường trúng vào mắt.

Mũi tên của người Bochimans thì cắm lỏng vào chuôi tên: hễ trúng thì mũi tên cắm chặt vào giống vật, vì có hai đoạn: một đoạn là mũi tên, một đoạn là chuôi tên; hễ mũi tên cắm vào con vật, tất-nhiên con vật chạy, có khi vướng phải cây, thì mũi tên rơi xuống, con vật thoát; đằng này người chim-chích cắm lỏng, cho nên chỉ rơi cái chuôi, còn mũi vẫn cắm chặt vào mình con vật.

Người chim-chích ở Phi-châu có hai thứ mũi tên: một thứ làm bằng gỗ vót nhọn, một thứ có chuôi gỗ cắm vào mũi sắt. Lại có một lối cắm lông hay cắm lá ở đằng sau mũi tên để bắn được xa: về lối cắm lá, thì ở chuôi tên có hai khe, mỗi bên cắm một vài cái lá, thành ra cái tên có cánh. Ở Á-châu, người Andamans không dùng tên có cánh; chỉ có người Semang và người Aëta biết dùng mà thôi. Trừ Nouvelles Hébrides, còn các dân ở Papouasie cũng không biết lối cắm cánh. Sách Tàu có chép thứ tên có cánh, nhưng không rõ có từ bao giờ.

Các nhà khảo-cứu về nhân-chủng cho cung với tên là văn-hóa đầu tiên của người chim-chích. Nhưng có người mới tìm thấy một dân chim-chích ở Ituri chỉ biết dùng dáo, không biết dùng cung, dùng côn mà không bao giờ dùng mộc.

Những người dân thật chim-chích không dùng đến đá, chỉ dùng gỗ, dùng xương và vỏ hầu vỏ hến. Thế là văn-hóa đầu tiên của loài người hầu như chưa biết dùng đá. Đến bọn dân gần giống chim-chích (pygmoïdes) mới biết dùng đá, thí-dụ như dân Bochimans (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 54-55).

Chữ Bochiman là tên của người Hòa-lan đặt ra (Bosjesmans), nghĩa là người rừng, thường dùng để gọi những người Hottentot, người San, người Nama. Người San và người Nama cũng thuộc về giống Bochiman, có tục cắt đốt ngón tay khi có tang. Người Bochiman thì đi săn, người Hottentot thì biết chăn nuôi, nhưng cũng lang-thang từ đồng nọ sang đồng kia. Người Hottentot không cắt đốt ngón tay, chỉ có lối cắt da qui-đầu (J. Deniker, *Les peuples et les races de la terre*, trang 583-585).

Ngày xưa người Bochiman ở trên bờ Đại-tây-dương, không có thuyền bè gì cả. Ngày nay chỉ có người chim-chích Andaman là có thuyền độc-mộc để đi từ đảo nọ sang đảo kia.

Bọn chim chích lấy một vợ một chồng, quyền lợi ngang nhau, có thể bỏ nhau được, nhưng khi đã có con rồi thì không li-dị nữa. Họ kết-hôn ở ngoài thị-tộc, nghĩa là phải lấy vợ ở ngoài đoàn-thể của mình. Đoàn-thể ở đây là địa-phương (cùng xóm hay cùng làng), giai-cấp (cùng một thứ-bực), thị-tộc (cùng một dòng họ), môn-phiệt (cùng một nghề-nghiệp). Trái với lối đồng-tộc kết hôn, nghĩa là phải lấy vợ trong đoàn-thể của mình. Đã bảy rằng lúc văn-hóa chưa mở-mang, tất còn hỗn-độn, chưa phân biệt được; nhưng về việc kết-hôn, có nhiều thuyết, nói ra đây không tiện.

Người chim-chích biết quyền sở-hữu, đại-để không ăn cắp lẫn của nhau, không tụ họp thành hội, thành đoàn.

Phần nhiều không vẽ mình, không cắt một bộ-phận nào ở trong thân-thể, trừ dân Bochiman nói trên kia, và dân Negritos ở Phi-luật tân: bọn này hay rũa răng cho nhọn, nhưng có lẽ đó là bắt-chước dân khác.

Người chết thì chôn xuống đất, không hỏa táng. Hình như người chim-chích tin có một vị tối cao, tức như ta gọi là thượng-đế, vì thấy họ cúng bằng những vật họ đi săn được. Về việc thờ cúng tổ-tiên và tin theo ma-thuật thì không có mấy.

Không có âm-nhạc. Dân Andaman lấy ván mỏng đóng hình như cái hộp, mặt trên phẳng, mặt dưới khum lên, hai bên thon-thon, một người lấy chân dẫm lên một đầu cái hộp ấy cho nó cấp kênh thành nhịp, rồi mấy người nữa theo nhịp mà múa.

Người chim-chích không có mỹ thuật, trừ bọn Bochiman có vẽ ở thành hang đá; những lối vẽ ấy có thể so với lối vẽ về thời cổ thạch-khí (paléolithique).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU - LÊ

Số 57

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA giáp-thìn (1484) nam Hồng-đức thứ 15, đời vua Lê Thánh-tông (1460 — 1497) bia ông đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ :

1. — Nguyễn-quang-Bật, người xã Bình-nhỏ, huyện Gia-định (nay Gia-bình), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Năm 27 tuổi, đỗ trạng-nguyên, được tuyển vào Đông-các. Bắt đầu bổ chức Hàn-lâm thị-thư, được dự vào Tao-đàn nhị-thập-bát tú. Năm giáp-tý (1504) đang làm đô-ngự-sử, cùng với thượng-thư bộ Lễ là Đàm-văn-Lễ, nhận tờ di-chiếu để lập Túc-tông, là con thứ ba vua Hiến-tông. Nguyên khi Hiến-tông (1497 — 1504) bị bệnh, Kính-phi là mẹ nuôi Uy-mục (tức con thứ hai Hiến-tông) sợ đại-thần không theo, mới đem vàng ngầm cho Đàm-văn-Lễ : Lễ không nhận. Đến khi Hiến-tông mất, Đàm-văn-Lễ và Nguyễn-quang-Bật nhận tờ di-chiếu, giúp Túc-tông nối ngôi. Lúc ấy các tước vương tranh nhau làm vua : Đàm-văn-Lễ sợ sinh biến, mới vào tẩm-điện, lấy quốc-bảo (ấn vua) đem về nhà, rồi cùng các đại-thần tôn lập Túc-tông. Uy-mục rất lấy làm căm-giận. Nhưng vì Túc-tông làm vua không được một năm (1504) cho nên Uy-mục lại được làm vua. Vừa được bốn tháng (năm 1505) nghe lời Khương Sung và Nguyễn-nhữ-Vi bầy mưu đầy Nguyễn-quang-Bật và Đàm-văn-Lễ làm thừa-chánh-sứ Quảng-nam (hoặc thừa-tuyên-sứ) ; Khi đến sông Chân-phước, ở huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an, sai người theo, bắt ức tự-tận. Triều-thần cho hai ông ấy chết không đáng tội, phần nhiều trách Uy-mục để. Uy-mục đổ lỗi cho Nhữ-Vi, rồi giết luôn Nhữ Vi. Sau đến Tương-dực-đế (1509 — 1516) thương ông Nguyễn-quang-Bật và Đàm-văn-Lễ chết oan, truy phong và tế điếu, để nêu lòng trung. *Đăng khoa bị khảo* chép ông thọ 48 tuổi ; tính ngược lại năm đỗ là năm 1484, thì ông làm quan được 21 năm, vậy thì ông đỗ vào năm 27 tuổi, chứ không phải năm 21, như chép trong *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 b, *Toàn-Việt thi lục*, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 14, tờ 19 b, và và *Đỉnh-nguyên phật-lục*, sách viết của Bác-cổ, số A 1205, tờ 14 b. Ông có chín bài thơ cận-thể bằng chữ Hán còn sao trong *Toàn-Việt thi-lục* đề là : Trăm giống thóc được mùa, Đạo làm vua, Tiết làm tôi, Pháp-cung cảm-tình thành thơ, Xa nhớ người anh hiền, Điềm lạ (Kỳ-khí), Thư thảo vừa xong làm thơ chơi, Văn-nhân, Hoa mai ; chín bài này đều là phụng họa theo vần của vua Lê Thánh tông.

Ông là tổ xa (viễn-tổ). Nguyễn-lượng-Thái đỗ trạng-nguyên năm 1553, Trùng-Quang đỗ đồng-tiến-sĩ năm 1535 và Viết-Cử đỗ nhị-giáp tiến-sĩ năm 1646 (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 111 a, *Đại-Nam nhất thống chí*, quyển Bắc-ninh, sách viết của Trường Bắc-cổ, số A 69, tờ 33 a, và *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 25, tờ 20 a-b).

2. — Nguyễn-Giác, người xã Thắng-lãm, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ nhị danh (bảng-nhỡn) khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34 b)

3. — Mai-duy-Tinh, người xã Tây-mỗ, huyện Nga-sơn, phủ Hà-trung, trấn Thanh-hóa. Năm 22 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ tam danh (thám-hoa) khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến lại-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hoá, tờ 38 a-b, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 b)

16 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân :

1. — Ngô-văn-Phòng, người xã Phù-vệ, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến thị-lang. Là cha Mậu-Đòn đỗ năm 1523, ông nội Mậu-Du đỗ năm 1565, cao-tổ Văn-Chính đỗ năm 1637 *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 b, 9-2, tờ 18 b, 48 a, 9-3, tờ 11 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 2 b).

2. — Nguyễn-hãn-Đình, người xã Cổ-quán, huyện Thần-khê, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Mùa đông năm kỷ-dậu 1489, sung chức phó-sứ sang cống bên Tàu. Làm quan đến Hộ bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 92 b ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

3 — Đào-như-Khuê, người xã Tri nhị, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 12 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

4. — Dương-bang Bản, người xã An-cử, huyện Thanh liêm, phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 Được vua Lê Thánh-tông cho quốc-tính, đổi tên là Tung (Lê Tung). Mùa xuân năm qui-sửu (1493), sung chức phó-sứ sang nhà Minh mừng lập thế-tử. Đầu đời Cảnh-thống (1498) làm Lại bộ đô-cấp-sự-trung. Năm Ất-sửu hiệu Đoan-khánh (1505) thăng thừa-tuyên-sứ Thanh-hóa. Mùa đông, tháng 11, năm đinh-mão (1507) sung chức chánh sứ sang nhà Minh tạ phong. Về việc đi sứ này, *Khâm-định Việt-sử* (quyển 25, tờ 24 a-b) chép « trước năm ấy nhà Minh sai Hàn-lâm-viện biên-tu là Tăng-Đạc, Lại-bộ cấp-sự-trung là Trương-hoằng-Chí sang nước ta báo về việc Vũ-tông lên ngôi, và tặng lụa mũi, Hành-nhân-ty hành-nhân là Hà-Lộ sang tế vua Hiến-tông nhà Lê, Hàn-lâm-viện biên-tu là Thẩm-Đạo, công-khoa cấp-sự-trung là Hứa-thiên-Tích đem sách sang phong vua Lê Uy-Mục làm An-nam quốc-vương và ban cho áo mũ. Hứa-thiên-Tích thấy Uy-Mục-đế nhân làm câu thơ rằng : « An-nam tứ bách vận vưu trường, thiên-ý như hà giáng quỉ-vương ? », Họ Lê làm vua nước An-nam bốn trăm năm, vận còn dài ; ý giời làm sao lại sinh ra quỉ-vương như thế ? (Người Tàu nói vận nhà Lê được 400 năm, đến đây mới non 100 năm, mà sao giời lại sinh ra Uy-Mục là người không đáng vì thiên-tử). Đến năm đinh mão (1507) vua Uy-Mục lại sai sứ sang nhà Minh : Hộ-bộ tả thị lang là Dương-trực-Nguyên, Đông-các hiệu-thư là Chu-Văn, Hàn-lâm-viện kiểm thảo là Đinh-Thuận sang mừng vua Tàu lên ngôi, hồng lô tự thiếu khanh là Nguyễn-Thuyên dâng hương, Công-bộ hữu thị-lang là Nguyễn-Đạo, Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Doãn-mậu-Khôi Hộ-bộ cấp-sự-trung là Lê-đình-Chi sang tạ về việc tế Lê Hiến-tông, Thanh-hóa thừa-chánh-sứ là Lê-Tung (tức Dương-bang Bản), Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Đinh-Trinh, giám-sát ngự-sử là Lê-hiếu-Trung sang Tàu tạ về việc sách phong, Nghệ-an tham-chính là Lê-Uyên, Hàn-lâm-viện hiệu-lý là Ngô-Tuy, giám-sát ngự-sử là Hoàng-Nhạc, sang nộp lệ cống hàng năm ».

Khi đi sứ về, Lê-Tung lại làm thừa-tuyên Thanh-hóa, theo Tương-Dực-đế khởi binh ở Tây-đô, có công, được thăng Lại-bộ thượng-thư, tước Đôn-thư-bá, dần dần thăng đến Lễ-bộ gia hàm thiếu-bảo, Đông-các đại-học-sĩ, coi việc tòa Kinh-diên, kiêm chức Quốc-tử giám tế-tửu (không phải thái-bảo, Đôn-hòa, biên-tu quốc-sử, như *Đại-Việt sử-ký tiền biên* chép ở tờ 11 b) Năm giáp-tuất (1514) hiệu Hồng-thuận, phụng mệnh soạn bài *Việt-sử tổng-luận*, in ở đầu quyển *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, tờ 1-21, đề là *Việt-giám thông khảo tổng-luận* ; lúc bấy giờ ông 63 tuổi (*Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn-nam, tờ 79 b ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

— ÔNG MÃN KHÁNH — Chúng tôi rất hoan nghênh xin ngài gửi ra ngay — đa tạ

Chúng tôi có nhận được của một bạn đọc ở Long Thanh cái ngân phiếu 5$ số 043, 415/ 10 không đề tên. Vậy bạn nào quên xin cho biết để chúng tôi liện việc vào sổ.

— Ô Ô. Liên Saigon, Nhuận Pleiku-Chuy Quảng-Ngãi, Huệ Thủ-đức

Đã tra sổ cũ đúng cả Xin lỗi.

T. T.

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TẤU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chính Phả. *Giá cũ 0$40*

2) Gương Luân-Lý (hết)

3) Hưng yên địa-chí (hết)

4) Bắc giang địa chí dày 234 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50

b) Vị tiền. (Xã hội Tiểu thuyết) *0$25*

Hoa xưa ông cũ. (Hài-kịch) *0$30*

Từ Hanoi đến Hồ Bạch (du-ký) *2$00*

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả :

Nhật- [illegible] rịnh như-Tấu

Tham-tá phủ Thống Sứ Bắc-kỳ Hanoi hay biên-tập báo Trí Tân. 95-97 Rue Chanceaulme

Hanoi

Tả-quân

Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 7

NGUYỄN TRIỆU

Cách vài hôm sau, các quan ở Nội-các là Hà-Quyền, Nguyễn tri-Phương và Hoàng-Quỳnh đều tâu rằng :

« Duyệt che-chở cho quân phi-loại mà gây nên sự biến loạn, cái vạ vốn tích đã lâu, nay xét đến những giấy má của y từ ngày trước thì rõ ra hình tích bội nghịch có 6 điều :

« 1·) Năm Minh-mạng thứ 4, tự tiện sai người riêng giả danh đi thám sang nước Diến-điện, trong thư chắc có giao-thông. Cứ lấy nghĩa làm tôi không có phép được giao-thông với nước ngoài, thì tâm-sự của y đã là rõ lắm rồi, ấy là một tội ;

« 2·) Khi sứ thần Diến-điện đến thành, mới tâu ra Triều-đình. Đã có chỉ-dụ nói việc đó quan-hệ đến việc lớn thì không nên khinh thường nghe người ngoài mà bỏ tình hòa hảo, gây sự cừu-địch, thế mà y cũng cứ cố xin dung-nạp. May mà Triều-đình giả cả lại những đồ cống-phẩm và cho sứ Diến-điện về nước, nên danh-nghĩa lớn nước ta mới giải tỏ được với thiên hạ... Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì mà lại còn cố ý lấy ý riêng của mình để che lỗi, ấy là hai tội !

« 3·) Năm Minh-mạng thứ 7, có chiếc tàu của người Anh bị bạt phong vào cửa Bình-thuận, đã có chỉ sai sở-tại hộ-tống mà y cố xin đưa vào Gia-định lại nói rằng : « Quan trấn Kiềm-thúc không bằng thần có quyền khiến cho kẻ kia phải sợ tướng-lệnh mà sợ binh-oai ». Hai chữ « có quyền » đó xưa nay vẫn lấy làm răn mà y dám đường hoàng tự nhận thì đủ biết là kiêu-căng dường nào, ấy là ba tội ».

Ngoài ra còn ba điều nên tội nữa song cũng không lấy gì làm quan-trọng, nhưng có một tội thứ 6 là bình-nhật thường khoe với mọi người rằng Duyệt đi lễ, xin « xăm » (1) được bốn câu thơ :

Tá Hán tranh tiên như Hán tướng,
Phụ Chu ninh hậu thập Chu thần ?
Tha niên tái ngộ Trần-kiều sự
Nhất đán hoàng-bào bức thử thân ».

Dịch nôm :

Giúp Hán há thua cùng tướng Hán ?
Phò Chu nào kém bọn tôi Chu ?
Trần-kiều nếu gặp cơn binh biến,
Mảnh áo hoàng-bào dễ ép nhau.

Các quan Nội-các buộc cho rằng « Nếu Duyệt không phải là sẵn có bụng bất trung thì sao lại dám đem bài thơ ấy ra mà khoe với người ta khiến cho bọn thủ-hạ tập quen thành thói ? Nay thây y chưa lạnh mà đã có việc này thì xin giao cả những lời tâu đó cho Đình-thần kết án để chính tội ».

Vua liền ưng cho.

Khi nghị-án xong, cứ trích những lời nói, việc làm phản-nghịch thì Duyệt phạm 7 tội nên chém là :

1·) Sai người sang Diến-điện, tư thông ngoại-quốc,

2·) Xin giao tàu Anh-cát-lợi cho để tỏ có quyền,

3·) Xin giết thị-vệ Trần-văn-Tính để khóa miệng người ta,

4·) Kháng sở xin lưu quan lại bổ đi nơi khác,

5·) Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê-Chất,

6·) Giấu và chứa giấy ngự bảo,

7·) Mồ mả cha dám gọi là « lăng », đối với người tự xưng là « cô ».

Hai tội nên giảo :

1·) Cố xin dung nạp Diến-điện để che chở cái lỗi mình,

2·) Dám khoe với người ta rằng xin thề được bài thơ « Hoàng-Bào ».

Một tội phải phát quân là « tự tiện cho quân đi tu tạo tàu thuyền.

« Về việc loạn thành Phiên-an, y thực là đầu vạ, nếu chiếu theo luật về mưu phản thì phải khép vào tội « lăng trì » song y đã chết rồi, vậy xin truy đoạt cả những cáo sắc, bổ quan quách giết thây để làm gương mà răn cho người khác. Còn như tằng tổ, tổ-phụ của y được phong tặng cáo sắc thì xin cũng truy đoạt lại cả. Con, cháu, vợ cả, vợ lẽ đều phân biệt nghị tội và tài sản thì tịch biên hết ».

Án ấy đệ lên, đức Minh-Mạng liền sai hình-bộ sao bản văn án ấy phát tất cả các Tổng-đốc và Tuần-phủ các nơi, xem ý-kiến riêng của các quan sao thì tâu về. Sau đó, các nơi tâu về đều đồng một ý với vua cả và xin y đình-nghị. Duy có Tổng-đốc Bình-phú là Võ-xuân-Cẩn và Tổng-đốc Ninh-thái là Hoàng-văn-Trạm có tâu kèm thêm một câu rằng :

« Hoặc nên lấy công bù tội, châm chước cho ít nhiều thì tự ơn vua...»

Bấy giờ đức Minh-mạng mới lại dụ rằng : « Xem như vậy thì đủ biết lẽ Trời không sai, mà công lý ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền-gian kia gây vạ, thiên-hạ ai ai cũng lấy làm căm tức, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê-văn-Duyệt nếu cứ nhổ từng sợi tóc mà kể cũng không hết, nói ra càng thêm đau lòng, dù có bổ quan quách mà giết, thây cũng là đáng tội. Song nghĩ hắn chết đã lâu và đã truy-đoạt quan-tước rồi, xương khô trong mả không bỏ gia hình. Vậy cho Tổng-đốc Gia-định đến chỗ mả hắn san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ : « Quyền yêm Lê-văn-Duyệt thụ pháp xứ » (2) để chính tội danh cho kẻ đã chết và tỏ phép nước về đời sau để làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời !

« Không những Lê văn-Duyệt là họa thủ, mà tên cháu y là Lê văn-Hán cũng giao-thông với giặc thì thận thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi và đã xử cực-hình cũng đủ tỏ phép nước. Những kẻ thận thuộc khác, khép tội trảm giam-hậu cũng đủ cho nó phục tội.

« Lời dụ này phải chuẩn lục tổng phát cho mỗi tỉnh một đạo để cho ai nấy đều biết Triều-đình xử rất công, rõ-ràng cái án ba thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu »

Sau khi án này ban ra, mộ Lê văn-Duyệt ở Gia-định liền bị cuốc phẳng bằng mặt đất, có bia « *quyền yêm Lê văn-Duyệt thụ pháp xứ* » đeo xiềng và xích sắt có khóa lại.

Phò-mã Lê-văn-Yến (lấy công chúa Ngọc-Ngôn là con gái thứ 10 đức Gia-long) là con Lê văn-Phòng (3) gọi Lê Tả-quân là bác ruột cũng bị giết ; còn vợ là người hoàng-lộc, cho nên được miễn nghị.

Phu-nhân tên Đỗ thị-Phẫn, đáng lẽ cũng bị tội phải giết, song vì Lê Tả-quân có tật ẩn-cung nên theo phép thì không kể là vợ Duyệt được, Triều-đình tha không giết.

Sau khi thoát chết, phu-nhân về ở với bà mẹ đẻ là bà Dồi ở Chợ lớn, nương náu tại một cảnh chùa của bà mẹ cất, tức là chùa bà Dồi ở [illegible] thường Lalung Bonnaire sau đường Frédéric Drouhet ở Chợ lớn ngày nay.

Không được bao lâu, phu-nhân cũng buồn-rầu rồi mất và táng ngay ở vườn sau chùa.

Sau này những bộ-hạ của quan Lê Tổng trấn, đợi đến đêm cất lên đem di-táng phu-nhân sang Gia định chung với lăng Ông rồi lại xếp y nguyên những xiềng xích lên trên để cho phu-nhân được cùng chung chịu tội với phu-quân. Hiện nay cũng còn cả mộ hai bà thiếp : bà họ Võ, mộ ở đường la Poste, mà ta quen gọi là « lăng cô » và một bà nữa mộ ở trong trại lính bên kia đường Avenue Lê văn-Duyệt ở Gia-định bây giờ.

Đến năm Tân-sửu (1841), vua Thiệu-trị mới lên ngôi, thấu biết Tiên-đế làm tội oan Lê văn-Duyệt, nên ngài xuống chiếu hủy hết bia cùng xiềng-xích ở mộ Lê Tả-quân và cho xuất tiền kho xây đắp cả lại, tức là mộ mà nay ta còn thấy ở Gia-định đó.

Sang đến đời vua Tự-đức năm đầu (1847), quan Đông-Các đại-học-sĩ Võ xuân-Cẩn lại dâng sớ tâu xin gia ân cho con cháu bọn Nguyễn văn-Thành, Lê văn-Duyệt và Lê-Chất. Lược dịch sau đây :

« Chu-lễ có chép 8 điều bàn-xét để khoan kẻ có tội, Tả-truyện có lệ 10 đời được tha để đãi kẻ có công. Đó là cái ý đối với người thiện thì yêu lâu dài, đối với kẻ ác thì ghét ngắn-ngủi : tỏ ra cái cách trung hậu vậy.

« Nhà nước ta từ hồi đầu trung hưng, phàm những bầy tôi ra pl giúp, huân liệt rõ ràng, đều đ

(Xem tiếp trang

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 4

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

III. — Đỗ-Viện là người Nam hay người Tàu?

Ta có câu: « Tam đại thành tổ » [illegible] người làng này sang ở làng [illegible] được ba đời, thì làng kia mới coi như người làng; không thì chỉ là người ngụ-cư mà thôi. Có lẽ vì thế mà quyển *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (quyển 4, tờ 15 a) và quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 4, tờ 8 b) đều chép Đỗ-Viện (chữ Viện có âm đọc là Hoãn, có âm đọc là Hoàn), làm thứ-sử Giao-châu về đời Tấn, là « người Chu-diên nước ta » (ngã quốc Chu-diên nhân), và chua một câu rằng: « ông nội Đỗ-Viện làm thái-thú Hợp-phố », ý nói đã được ba đời thì là người nước ta. Sách của Tàu như quyển *An-nam chí nguyên* (trang 178) cũng chép vào mục Nhân-vật nước ta, còn người Tàu thì chép vào mục Huân-tích và Hoạn-tích, để riêng mục Nhân-vật cho người Nam.

Một đằng theo thuyết « Tam đại thành tổ », một đằng sách chép như thế, cho nên phần nhiều cho Đỗ-Viện là người Nam. Nhưng cháu Đỗ-Viện là Đỗ-hoằng-Văn, được vua Tàu triệu về kinh, lại nói: « Ta ba đời cầm cờ tiết ở Giao-châu, thường muốn thân-hành sang đế-đình ». Xem câu nói ấy [illegible] biết là vẫn nhớ quốc tịch, và [illegible] quê cha đất tổ.

[illegible] chữ quê cha đất tổ (patrie, [illegible] de nos pères), sách tây cắt [illegible] là « cùng một đất nước, cùng một giống nòi, cùng một tiếng nói, cùng một lễ-giáo, cùng một phong-tục, cùng một quyền-lợi, cùng một luật-pháp, cùng một lịch-sử ».

Có người đã bẻ rằng về nòi-giống thì không cứ đồng-chủng, ví như nước Thụy-sĩ có nhiều giống người mà vẫn thành nước. Tiếng nói, thì Bắc-Mỹ nói tiếng Anh, Nam-Mỹ nói tiếng Tây-ban-nha, một phần Thụy-sĩ và Tỷ-lợi-thì nói tiếng Pháp, một phần nước Nga nói tiếng Đức: như thế thì không cứ gì phải đồng-âm mới là quê cha đất tổ. Tôn-giáo cũng thế: ngày xưa mới có tôn-giáo quốc-gia chứ bây giờ thì khác, tôn-giáo là việc của cá-nhân: không cứ phải theo cùng một tôn-giáo mới là cùng một nước. Còn như phong-tục, tuy là thiên-lý đồng-phong, nhưng khắp trong nước không thể giống nhau hết cả. Luật-lệ và lịch-sử, cũng không cứ gì phải cùng nhau. Bởi thế các nhà triết-lý Âu-châu cho tám cái tương-đồng ấy chưa có thể gọi là nước được: phải cùng một tính-tình, cùng một ý muốn mới gọi là nước: ông Renan gọi nước là « một cái hồn, một mối tinh-thần », tức như bây giờ gọi là quốc-hồn. Xem như truyện Cù-hậu cũng đủ biết: nguyên-quán người Tàu, lấy chồng là thái-tử nước Nam, sau được làm hoàng-hậu, thái-hậu, nhưng vẫn giữ tính-tình người Tàu, không muốn làm dân ta, không theo câu: « Có con phải khổ vì con, có chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng ».

Đến ba ông cháu Đỗ-Viện cũng thế: có cơ biệt-chiếm giang-sơn như Triệu-Đà, mà không làm, thế mới biết là trung-thành với đất nước.

Trong truyện con Đỗ-Viện, là Đỗ-tuệ-Đệ, có câu « cấm dâm-từ, tu học-hiệu » (cấm đền thờ dâm-thần, sửa lại các trường học), và câu: « thành-môn dạ khai, lộ bất thập di » (cửa thành đêm mở, ngoài đường không nhặt của rơi): nếu thực như thế, thì đúng với chữ Pháp là « hoàng-kim thời-đại » (âge d'or). Đương khi bên Tàu có loạn lục triều, phía nam cõ Lâm-ấp quấy-nhiễu, thế mà ba ông cháu Đỗ-Viện giữ được châu Giao là một cõi thái-bình thịnh-trị, thì dù là người Tàu hay người Nam, cũng nên ghi chép.

***

Đỗ-Viện, người huyện Chu-diên, quận Giao-chỉ, nguyên-quán ở kinh-triệu (tức kinh-sư đời Tấn, nay là chỗ đất từ Thiểm-tây, Tràng an, trở về phía đông đến huyện Hoa). Ông nội là Nguyên (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên* chép là tằng-tổ) làm thái-thú Hợp-phố (chép theo *Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, quyển 4, tờ 9 a; còn *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 a, và *Khâm-định Việt-sử*, thì chép làm thái-thú Ninh-phố), nhân ở lại Giao-chỉ.

Năm canh-thìn (330 sau Thiên-Chúa), hiệu Thái-nguyên thứ năm đời Tấn Hiếu-vũ, thái-thú Cửu-chân là Lý-Tốn giữ châu làm phản (tức châu Giao; có lẽ thứ-sử châu Giao

(*Xem tiếp trang 20*)

Tả-quân Lê Văn-Duyệt

(*Tiếp theo trang 7*)

dõi đời tập tước, tông-tự miếu đình ; còn đến những người chỉ có một chút công nhỏ cũng đều sống được vinh danh, chết có hiển-hiệu. Cái điển-lệ đền kẻ có công rất là ưu hậu.

« Tựu trung bọn Nguyễn văn-Thành, Lê văn-Duyệt, Lê-Chất đều là gặp hội gió mây, theo vòng tên đạn, thân làm đại-tướng, tước đến Quận-công. Khoảng năm Gia long, Văn-Thành vì không ngăn cấm được con, tức bực tự tận, về sau con cháu y lại vì cái án nghịch Hàm theo đảng ngụy mà phải bắt, bị giết lây cả lũ ; Văn-Duyệt và Lê-Chất, sau khi đã chết, án nặng mới phát ra, đều phải đoạt hết cả quan tước và làm tội cả đến những con cháu bấy còn. Cứ như cái án đã thành, tội không thể chối. Xét đến cái cớ mắc tội thì tình cũng nên thương : Bởi bọn họ đều là những người cục mịch, xuất thân tự nơi trận-mác, chỉ biết giấn thân đánh khỏe để lập chút công, chứ không biết học đạo khiêm cung để giữ lấy mình. Đến khi có công cao thì hợm, thân quý thì kiêu, nghĩ gì làm nấy, không tránh hình-tích, nhân thế mà tự rước lấy những sự gièm-pha mà chác lấy tội lỗi. Đó cũng đều là bởi cớ không học cả. Xưa nay những võ-thần mắc phải bệnh ấy thường thấy rất nhiều...

Thần xem sử sách đời xưa, công thần nhà Đường như bọn Trưởng-tôn Vô-Kỵ, Lý-thế Tích, công thần nhà Lê như bọn Trần-nguyên-Hãn, Lê Sát, Lê Ngân, hoặc vì con cháu hư hỏng hoặc vì mình mắc án nặng, ban đầu tuy phải tội hầu đến tuyệt diệt, nhưng rồi sau cũng lần lượt hoặc được phục lại quan tước, hoặc được lục dùng con cháu. Ban đầu bắt tội, là để giữ phép nước ; về sau truy lục, là để tỏ ơn riêng : công với tội trừ vào nhau, ân và pháp cùng thi hành, hai đằng chưa từng trái nhau vậy.

« Nay bọn Nguyễn-văn-Thành đây, công và tội so với bọn Lý-thế-Tích và Trần-nguyên-Hãn cũng giống nhau. Nếu cho là đã mắc tội mà không truy lục đến công thì chẳng hóa ra bọn họ gian nan trăm trận thế mà đến nỗi hồn tàn vất vưởng lập lòe như ngọn lửa ma trơi, chung qui làm con quỷ Mạc-ngạo không người cúng tế ? Tình hình ấy tưởng lòng Thánh thượng cũng không nỡ vậy !

« Cúi xin gia ơn đặc-cách ban sắc xuống mà tra xét dòng dõi hiện còn lại của những người ấy xem kẻ nào có thể dùng vào việc được thì tuỳ liệu mà ban cho một chức hàm nhỏ, kẻ nào không thể dùng được thì cũng miễn cho không phải làm lính tráng dao-dịch suốt đời để ở nhà giữ việc thờ cúng. Như vậy để tỏ điển trung-hậu ... »

Đức Tự-Đức xem bài sớ này, lấy làm cảm-động, bèn truy phong lại cho [illegible] Nguyễn-văn Thành, Lê-[illegible]uyệt cùng Lê-Chất, và ban phẩm hàm cho con cháu họ họ (4). Lại cho đắp phần mộ Lê-văn-Duyệt cao thêm lên và sửa sang tu bổ lại đền thờ ở Gia-định đô-xộ, sầm uất ở giữa châu thành. Đền thờ ấy nay đã trở nên trung-tâm-điểm cho các thiện-nam tín-nữ khắp lục tỉnh và miền Chợ-lớn Saigon lui tới đèn-nhang hương khói. Nhất là đêm giao-thừa, năm nào cũng vậy, ở đây có lẽ còn nào nhiệt hơn là chùa Trấn-Võ hay đền Ngọc-Sơn ở Hà-thành.

(Hết)

NGUYỄN TRIỆU

(1) Đi lễ xin được « quẻ thế ».

2) Nghĩa là chỗ tên Hoạn-quan Lê-văn Duyệt chịu tội.

3) Lê văn-Phong là em ruột Lê văn Duyệt, vì theo anh đi đánh giặc lập được nhiều công ; nên được phong làm Tả Dinh Đô-Thống-chế và đã có lãu lĩnh chức Hiệp Tổng-trấn Bắc thành đồng thời với quan hậu quân Lê Chất.

Mộ Lê văn-Phong nay cũng còn ở miền Phú-nhuận theo đường Mac-Mahon prolongé, ở trong khu đất có biệt-thự của viên giám-đốc Đông-pháp ngân-hàng gần Tân-sơn-nhứt.

(4) Bấy giờ dân làng Long-hưng mới đem trình quan sở tại một người cháu của Lê-văn-Duyệt, tên là Lê-văn-Thi, cháu nội. Lê-văn-Phong, sợ tội với Triều-đình nên phải trốn tránh mai.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Cổng sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Đã có bán

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác giả đã dùng công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hanoi

NÊN HƯƠNG-HỌC XỨ BẮC-KỲ

NHẬT-NHAM

DÂN chúng là phần đông của một nước. Một nước tiến bộ mau hay chậm một phần do theo trình-độ dân-chúng. Cho nên trong việc cải tạo xã-hội, việc mở mang dân-trí là một vấn đề thiết-yếu không thể bỏ qua được.

Gần đây, việc mở các trường làng tại khắp xứ Bắc-kỳ tỏ cho ta biết lúc nào nhà nước cũng săn-sóc đến sự khai-đạo cho dân-chúng. Trong vòng hai năm nay, trường làng mọc lên như nấm, đã thu dụng được bao thiếu niên có bằng cấp, lại giúp cho biết bao nhiêu trẻ có nơi học tập. Trường làng mới mở khác với trường hương học đã có từ trước. Tiện đây xin nói sơ về việc học tại thôn quê để cống hiến độc giả một vấn-đề không phải không quan trọng.

Trong các xã-thôn Bắc-kỳ, còn nhiều trẻ thất-học, hoặc vì gia-cảnh, hoặc vì địa-thế xa cách học-đường. Muốn cho trẻ các xã thôn có một nền giáo-dục bực sơ-học, muốn truyền bá giữa dân chúng những điều thường-thức có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt, muốn thi hành những luật-lệnh một cách triệt để, chính phủ đã từng nghĩ đến việc bài-trừ nạn thất-học tại các nơi thôn ổ, nên đã định cho mở tại mỗi làng một trường học hay cho hai hoặc ba xã nhỏ gần nhau lập trung một trường.

Những trường học này cũng tương-tự như các trường hương học đã thành-lập từ trước. Các chi-khoản đều do các làng có trường phải chịu. Các làng này trả tiền lương thầy học, sắm các vật liệu, cho mượn nhà hoặc đình, chùa, công-sở làm trường học.

Thầy giáo trường làng cũng như các hương-sư, phải đủ 18 tuổi, có bằng sơ-học tốt nghiệp hay ít nhất phải có bằng sơ-học yếu-lược mà đã từng học đủ chương-trình bực sơ-đẳng. Những người có bằng cấp về khoa cử cũ cũng được tuyển làm thầy học các trường làng. Trước khi được bổ, các thầy học phải theo lớp tu nghiệp mở tại tỉnh-lỵ, dưới quyền giám đốc của học-quan : thời hạn là 3 tuần lễ. Các thầy học trường làng, cũng như các hương-sư, thuộc quyền kiểm-soát các viên thanh-tra học chính và các học quan.

Nói tóm lại, trường làng cũng giống trường hương-học, về phương-diện quản-trị và tài-chính, có khác là khác về sự tổ-chức sư-phạm. Như các trường công bực tiểu-học, trường hương-học dạy theo một chương-trình đã định. Còn các trường làng đặt ra, mục đích để bài trừ nạn thất học : thầy dạy trò học đọc, học viết, học tính lại thêm một vài điều phổ-thông về luân-lý, vệ-sinh và nhất là những vấn-đề có ích đến cuộc sinh-hoạt của nông-gia. Vì vậy các trường làng chỉ nhận những trẻ chưa biết chữ, dạy trong vòng một năm cho biết đọc, biết viết, biết tính. Hết niên-khóa, học sinh phải nhường chỗ cho kẻ khác.

Trong có hai tháng Septembre và Octobre 1941 mà tại Bắc kỳ đã lập được 2271 trường làng. Trong số ấy, có 1873 trường riêng của 1873 làng, còn 398 trường là do các làng mở chung nhau. Tất cả có 2700 làng được hưởng sự ích-lợi của các trường ấy. Tất cả có 75.041 học-sinh (67.437 nam học-sinh và 7.604 nữ học-sinh) theo học. So với số học sinh bực tiểu học thì số học sinh ấy tới 34,51 phần trăm số học sinh tiểu học.

Trong số các trường làng thì một trường có 3 lớp, còn thì đều mỗi trường một lớp cả. Số giáo viên có tới 2275 người, gồm có 1448 người có bằng sơ học tốt nghiệp, 532 người đã đỗ sơ học yếu lược và 293 người là những người có một văn bằng về cựu-học.

Vấn đề cải tổ các trường làng làm trường hương học là một vấn đề cần thiết. Nha Học-chính sẽ dùng các phương pháp trong công cuộc cải tạo để hợp với ý-nguyện và sức sinh hoạt của dân chúng.

Từ tháng Septembre 1942, nhiều trường làng cải làm trường hương học. Vì vậy, tuy có mở thêm 520 trường mới tại các làng, mà số trường làng năm trước tới con số 2271 nay chỉ còn 1977 trường mà thôi.

Niên khóa 1942 — 1943, có 58.782 học sinh (53.563 nam học sinh và 5.219 nữ học sinh), tức là 26, 11 phần trăm số học sinh bực tiểu học.

Trong số các trường làng, chỉ có 4 trường có hai lớp học, còn thì đều mỗi trường có một lớp thôi. Tất cả có 1987 thầy giáo, gồm có 1085 người có bằng sơ học tốt nghiệp, 703 người có bằng sơ-học yếu lược và 193 người có văn bằng về cựu học.

Các trường làng, trong công cuộc bài trừ nạn thất học, đã đem lại một kết quả rực rỡ.

Rồi bắt đầu từ vụ khai trường sắp tới này, một ít trường làng sẽ lần lượt cải làm trường hương học.

Hiện nay, trong toàn xứ Bắc kỳ, có tất cả 4000 được hưởng sự học vấn của các trường làng hoặc mở riêng hoặc một vài làng mở chung.

Đến vụ khai trường năm nay, còn bao nhiêu trường làng sẽ mở hết, hoặc riêng cho mỗi làng hoặc chung cho vài làng. Vẫn biết rằng mỗi làng tuy chưa có hẳn riêng một trường, vì có nhiều làng mở chung trường, nhưng bọn đồng-ấu xứ Bắc-kỳ đâu đâu cũng có thể theo học được: trong các nơi thôn ổ, ngoài số trường làng lại còn trường hương-học và trường tiểu-học của nhà nước mở ra từ trước.

Cái tình-thế mới ấy đã đem theo sự thay đổi nội-dung nền tài-chính quan hệ đến việc bảo thủ các trường làng và trường hương học.

Một khi số trường làng hay trường hương-học còn ít, thì làng nào chịu riêng phí-tổn của làng ấy về việc học, cũng là một việc chính-đáng.

Lúc đầu, muốn khuyến-khích các xã-thôn mở trường hương-học, Chính-phủ gia ân giảm cho các làng có trường hương-học

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> *« Kỷ-luật học đường phải trợ-lực cho kỷ-luật gia-đình. Bằng cách ấy và chỉ có cách ấy mới đào tạo nên những người và những dân-tộc hùng cường »*

một số thuế ngoại-phụ để chi vào việc hương-học. Tuy vậy chỉ những làng to phải đóng nhiều thuế đinh điền mới được hưởng một số ngoại-phụ đủ cung cho việc hương-học; chỉ những làng ấy mới chịu đệ đơn xin phép mở trường hương học. Ngoài ra, những làng nhỏ, số ngoại phụ được giảm rất ít, không đủ chi vào việc học, nên không mấy làng chịu mở trường. Đôi khi, trong số các làng ấy, có làng xin mở trường hương-học, lẽ tất nhiên dân chúng phải chia nhau chịu một số tiền đủ chi dụng vào việc học, ngoài số tiền ngoại phụ được giảm. So với dân các làng to thì dân các làng nhỏ có trường hương học phải chịu thiệt hơn nhiều.

Xét hiện tình nền tiểu học, có nhiều sự chênh lệch trong việc phân chia các phí khoản giữa các làng:

1) Các làng có trường tiểu học công, tuy không được giảm một số thuế nào, nhưng không phải chịu một khoản phí gì về trường tiểu học ấy;

2) Dân chúng các làng có trường hương học hay có trường làng tuy được giảm thuế, nhưng phải chịu các phí tổn về việc hương học:

a) Nếu làng to thì số thuế được giảm đủ cung cho việc học mà có khi lại còn thừa. Như vậy dân không phải đóng góp gì thêm mà lại được hưởng quyền lợi trong việc hương học;

b) Nếu làng nhỏ, số thuế được giảm sẽ không đủ chi các khoản phí về trường học và dân chúng phải chia tay nhau chịu thêm một số tiền nhiều ít tùy theo từng làng.

Nay mai số trường làng sẽ mở khắp nơi, tất cả các làng đều có thể hưởng quyền lợi trong sự truyền bá nền hương học. Nếu chia đều cho dân đinh mỗi tỉnh những số tiền đủ cung cho các trường làng hay trường hương học trong tỉnh, thì không những đã công-bằng, mà lại còn hợp với tình thế hơn nữa.

Quan Thống sứ đã từng nghĩ đến vấn đề ấy và định từ nay sẽ không cho các làng có trường làng hay trường hương học được hưởng sự giảm thuế nữa. Những khoản phí về việc hương học sẽ chia đều cho đinh điền mỗi tỉnh và cùng thu với thuế đinh điền của nhà nước.

Chính-sách mới này sẽ thi-hành từ 1er Septembre sắp tới. Như vậy thì ai ai cũng có nghĩa-vụ đối với việc học trong địa hạt mình. Mà chính-sách ấy có thể giảm được biết bao điều phiền-phức trong việc bảo thủ các trường làng và trường hương học trong sự truyền-bá nền hương-học, trong việc mở thêm các trường làng, trong việc thu các khoản-phí, trong việc giữ sổ kế toán và thay đổi lương các hương-sư.

Chính sách ấy chắc sẽ được công-chúng hoan-nghênh và sẽ có kết-quả mỹ-mãn ảnh-hưởng rất quan-trọng đến sự truyền-bá học-vấn tại nơi thôn-dã.

NHẬT-NHAM

Không những vậy, sinh-lý-học đương thời còn mới tìm ra những điều kiện khác nữa : ấy là những chất bài tiết của các hạch. Khắp trong thân thể chúng ta có những hạch to nhỏ không đều, bài tiết nên nhiều chất bổ : máu lượm lặt tất cả những chất bổ đó đem phân phát cho từng tế bào nhỏ. Bởi vậy, mỗi tế bào đều thấm nhuần những chất bài tiết của các hạch. Người ta chưa biết rõ hết những chất đó, nhưng cũng đã tìm ra rằng cắt một hạch ở yết hầu đi chẳng hạn, người bệnh bắt buộc trở nên ngu độn. Trí nhớ kém đi nếu hạch đó không bài tiết đều hòa như lúc khỏe-khoắn. Công cuộc : nghiên cứu về những hạch hiện nay vẫn còn đương tiếp.

Tất cả những điều nhận xét kê trên của sinh lý học vẫn chưa giảng nghĩa được sự hình thành của tư duy. Công việc đó, ta phải dành cho những khoa học nghiên cứu về tâm-lý. Và dưới đây là giả thuyết của một triết nhân duy tâm nổi tiếng nhất thời nay, ông Bergson. Chúng tôi đã tìm đến Bergson, vì muốn độc giả nhận thấy rằng duy tâm, ngày nay, không còn là đạt tư duy ở chót vót trên cao, bên ngoài đời sống nữa.

***

Bergson đã nghiên cứu về *những điều-kiện khách quan của tư duy*, nghĩa là hoàn cảnh trong đó người thời xưa sinh hoạt. Ông nói : trí khôn là kết quả của sự hoạt động. Không hoạt động thì không có trí khôn, không có nghị lực, không có tư duy, không có tinh thần và người ta sở dĩ có tinh thần cao nhất là vì đã hoạt động nhiều nhất.

Chứng tỏ điều đó không khó khăn gì. Cái khó là vạch rõ những chặng trên con đường mà trí khôn đã đi qua rồi nhân đó vạch rõ những tính chất đặc biệt của trí khôn loài người.

Ta thử xét đến loài cây trước nhất. Cây cỏ không phải hoạt động cũng đủ sống. Nhưng cũng vì không hoạt động nên chẳng hạn cây bàng mà ta nhìn thấy ngoài kia mới không có tư duy. Thực vậy, rễ cây đâm sâu xuống đất, hút những chất bổ cần thiết cho cây. Nhựa đó theo những mạch sống của cây trào lên tới lá. Lá xòe ra ánh mặt trời đón lấy ánh sáng và hút lấy sức nóng. Ánh sáng đó, sức nóng đó, cùng với những chất hóa học dượm trong khí trời, biến nhựa sống đang trào lên thành nhựa « chín », ít nước hơn và nhiều chất bổ hơn. Những « mạch máu » của cây đem phân phát món ăn đó cho từng tế bào nhỏ. Và cứ như thế cây yên ổn sống mãi, qua hè sang thu, qua đông sang xuân, dầm mưa, dãi nắng bốn mùa. Cây không bao giờ phải chuyển động, mà cũng không bao giờ phải « băn khoăn ». Thức ăn sẵn đấy mùa nào cũng vậy, đời sống của cây không thay đổi cho đến khi khô héo, cây chết.

Người ta không sống sung túc được như cây cỏ. Và cầm thú cũng phải chật vật hơn cây cỏ nhiều lắm. Muốn kiếm được ăn, một con sâu nhỏ cũng phải hoạt động. Nhưng càng hoạt động nhiều càng gặp nhiều trường hợp khác : nhưng trí

Triết học phương tây

Luận về tư-duy (pesée)

(Tiếp và Hết)

NGUYỄN ĐÌNH THI

khôn, càng nảy nở. Điều đó không có chi lạ, vì càng gặp nhiều điều khó, sinh vật càng phải « băn khoăn », và chọn lọc. Chính do chỗ chọn lọc đó mà có tư duy.

Không cần chọn lọc thì chỉ có bản năng. Bản năng khác tư-duy là vì thế. Ta thử nhìn một con chim làm tổ : không cần nghĩ ngợi, không cần đo đắn, không cần học tập, chiếc tổ xinh xắn được xây nên thực hoàn toàn, trong sự hoạt động đó, ta thấy một « bản năng ».

Thói quen giống bản năng chính ở chỗ không cần chọn lọc. Ta đang viết. Vừa viết ta vừa chấm mực. Song không hề để ý đến công việc đó, ta hành động đã quen, ta đã biến thành một chiếc máy : thói quen khác tư-duy. Nhưng nếu trước mặt ta có hai lọ mực, một lọ xanh, một lọ đỏ, và nếu hai lọ mực đó đổi chỗ cho nhau mỗi khi ta chấm, thì công việc của ta không còn thuộc về phạm vi của thói quen nữa : ta cần chọn lọc, ta cần tư-duy.

Người thời xưa chưa tư duy được như người thời nay, và sống tự nhiên gần như súc vật. Hình thù còn cục mịch, trí não còn thô sơ, anh ta làm gì đã biết nghĩ tuy có một thần kinh hệ thật đặc biệt. Điều đã làm nảy ra tư duy trong thần kinh hệ đó là sự yếu-ớt của loài người.

Loài vật không cần hoạt-động lắm cũng sống còn được : chống với nóng, rét, chúng đã có những bộ lông trắng hay đen, dày hay mỏng. Khí-giới, chúng cũng không thiếu gì : loài thú có móng, có vuốt, loài chim có mỏ, có cánh, loài sâu bọ cũng có kìm, cặp, và nọc độc. Duy chỉ loài người là yếu ớt nhất : bởi vậy, chỉ loài người là phải hoạt động nhiều hơn cả, và chật vật hơn cả.

Muốn chống với cầm, thú, với lói rét, người xưa nhận thấy có hai cách : một là ở với nhau cho đông, hai là chế tạo nên những đồ dùng.

« Hợp quần thành sức mạnh », câu cách ngôn quen thuộc đó, được áp dụng mỗi ngày một thêm triệt để. Những gia đình họp thành những thị tộc, những thị tộc họp thành những bộ lạc nhỏ hay lớn. Cuộc sống chung đụng được thêm dễ dàng. Nhưng nói đến sống chung đụng là nói đến giao-thiệp, và nói đến giao-thiệp là nói đến băn khoăn, chọn lọc, nghĩa là nói đến tư duy. *Vậy tư duy phát sinh trong xã-hội.* Mục đích của tư duy ấy là chế tạo những đồ dùng. Từ hòn đá, cành cây, những chiếc cuốc đá, cung gỗ, người ta đi đến mũi tên bịt đồng, lưỡi dao bằng sắt : những đồ dùng càng tốt, tư duy càng phát triển và tư duy càng mở mang, những đồ dùng càng thêm nhiều, sự hoạt động càng thêm dễ dàng, đời sống càng thêm sung túc.

Ta đã thấy rằng trí khôn chỉ có một mục đích là giúp cho sự hoạt động : do hoạt động mà có, tư duy lại quay về nâng hoạt động lên cao hơn. Mục đích của loài người không phải là tư-duy, mà là hoạt-động. Người xưa tìm biết, không phải để mà « biết », mà để làm cho đời sống được đẹp đẽ hơn, nếu có thể và thứ nhất là đầy đủ hơn. Trí khôn chưa biết say sưa trong vũ trụ mà chỉ biết tìm cách làm giảm sự yếu ớt của loài người bằng cách chế tạo những đồ vật. « *Nếu ta xét đến cách hành động lúc đầu của trí khôn, ta thấy rằng trí khôn là để chế tạo nên những đồ vật, và thứ nhất là chế tạo nên những đồ dùng để làm những đồ dùng khác, và để biến hóa đến vô cùng sự chế tạo đó* ». (1)

Cuộc chế tạo của trí khôn cốt để thay đổi vật chất. Chúng ta có chế tạo được những đồ dùng là bằng gỗ, bằng đá, bằng sắt, bằng đồng, chứ không phải bằng những ý tưởng. Trong vật chất, không phải chúng ta dùng được tất cả : phạm vi hành-động của ta thường chỉ là những chất đặc (solides) và những chất mà người là chết, là không có tổ-chức. Người xưa coi gió, không khí, ánh sáng, là những thể có tính cách siêu-phàm, vượt khỏi phạm vi hành-động của tay chân chúng ta. Tay và chân chỉ sai khiến được dễ dàng nhất là gỗ, đá, sắt, nghĩa là, ta nhắc lại một lần nữa, những chất đặc và chết.

Muốn biến hóa vật chất, người ta phải hành-động theo những nguyên tắc đặc biệt. Những nguyên tắc đó cũng không nhiều lắm, nhưng sẽ giữ một địa vị vô cùng quan trọng trong lịch sử tư tưởng loài người, trong đó có cả lịch-sử triết học mà ta đang tìm biết nữa.

Trước hết người ta phải cắt, xén vật chất nên những phần tử nhỏ để ghép lại theo trăm ngàn cách khác nhau : một người thợ mộc phải xén gỗ, phải cưa, phải bào ; một người thợ may phải cắt những tấm da thú để ghép lại theo một hình thể mới. Chúng ta có dùng là dùng một phần vật chất nhỏ mà thôi : chỗ sắt mà ta dùng để làm lưỡi dao, hay lưỡi cày không phải tất cả số sắt có trong thiên hạ. Kết quả của điều đó trong tư tưởng là ta muốn chia vật chất nên bao nhiêu phần tử cũng được. Vật chất « *chẳng khác gì một miếng vải mỏng mênh mà ta muốn cắt thế nào cũng được, để rồi khâu lại tùy theo ý thích của ta* » (1). Vũ trụ có thể cắt xén nên những phần tử nhất định : cả không gian, và thời gian cũng có thể chia thành những khoảng nhỏ bé « *riêng biệt* » nhau nữa.

Nhưng cắt xén vật chất ra cũng không đủ để ta hành động được có kết quả. Những phần tử mà ta đã cắt xén ra đó còn phải *không thay đổi*. Nếu miếng vải luôn luôn thay đổi hình thể thì ta biết lựa làm sao mà khâu và áo, quần được ? Nếu miếng gỗ mà ta vừa đẽo nên, mà lúc một khác thì ta còn biết dùng nó vào công việc gì nữa. Nhìn rõ

(Xem tiếp trang 67

Du ký

INDRAPURA (Đồng-Dương)

Số 1

Mãn-Khánh DƯƠNG-KY

Tặng bạn Võ-Mai

I — Trên đường vào Đồng-dương. — *« Gặp du-côn »*

Lễ Pâques ! Một cơ-hội cho tôi được nghỉ để đi ngược lại giòng thời-gian trở lui về thế-kỷ thứ IX, vào làng Đồng-dương (Quảng-nam) ma thăm kinh-đô Indrapura xưa của nước Chiêm-thành

Hàn (Tourane) uể-oải trong nắng gay gắt, cơn nắng đầy màu sắc của miền trung-xứ Trung-kỳ... Vĩnh-điện bồn-chồn trong ánh chiều vàng, gợn sóng nhẹ-nhàng huyền-ảo như tà áo là của nàng thiếu-nữ đang mơ trong gió...

Vĩnh-điện là nơi dừng chân rất tiện cho khách du-lịch muốn dùng xe đạp đi thăm các vết tích Chàm ở Quảng-nam ; tháp Bằng-an cô-đơn bên vệ đường Vĩnh-điện Kỳ-lam ; Trà-kiệu (Sinhapura) chìm ngập trong lớp nhà cửa, đền chùa của người Việt ; Mỹ-Sơn (đền Bhadreçvara) lở tới trong thung-lũng hoang-vu và Đồng-dương là kinh-đô Indrapura của nước Chiêm-thành về thế-kỷ thứ IX (1). Nghỉ một đêm, sáng sớm tinh sương, bạn tôi, anh Võ-M. cùng tôi, cỡi hai cái xe đạp, lướt ánh nắng mai thơm tho trên quan-lộ để đi vào Đồng-dương.

— Nào, hăng-hái lên, để vào lấy kinh-đô của « Chiêm-tặc » !

Chết nỗi ! Vào chốn thôn-dã này, đi lùi lại hơn 10 thế kỷ tưởng tránh được ám-ảnh của không khí ở Huế đầy tin tức về chiến-tranh, thế mà vẫn không thoát khỏi ! Té ra nhân loại từ xưa đến nay, quây-quần mà sống, nô-nức mà sống là chỉ vì mỗi một mục-đích : chém giết lẫn nhau.

Nhưng, những thửa ruộng lúa già hạt vàng nặng trĩu, những đám khoai sắp từng rãnh cát trắng phau đang tắm trong nắng bây giờ tưng bừng của sớm mai hè đẹp đẽ ấy, đã làm cho chúng tôi quên bớt n ững ý nghĩ hắc-ám trên kia. Phía bên phải, tận đàng xa, là dãy núi Trường-sơn, chen chúc nhau, phô bày những màu rất ăn nhịp : tím lạt lướt trên sườn, xanh đậm âm-u trong bóng... Tựu-trung có một hòn núi rất dễ nhận vì chóp nhọn và hơi nghiêng, tựa hồ-một chéo khăn ; dưới chân núi ấy là Mỹ-sơn.

— Kia, núi dùng khăn ngoắt chúng ta đến thăm đền của thần Bhadreçvara. Núi gì mà đẹp thế ?

— Phải chăng là hòn Kuçaka hay Sulaha đã chép trong một cái bia ở Mỹ-sơn ?

Bên trái chúng tôi, các rừng phi lao xanh, nối tiếp nhau, chặn những đám cát trắng, theo chiều gió từ ngoài biển chạy vào, chực lấp nương dâu ruộng lúa.

Vượt sông Thu-bồn, nước trong lan-tăn gợn sóng như ở Hương-giang...

Qua sông Ba-rén, uốn mình trong nhà cửa cây cối...

Vượt sông Ly-ly, đang phơi dưới nắng những cồn cát phẳng-phiu...

Đến phủ-lỵ Thăng-bình, chúng tôi bỏ quan-lộ, giong ruổi trên con đường nhỏ xinh xinh, uốn mình qua những trái đồi tròn trĩnh đầy hoa sim tím. Trên hoa nổi những hòn đá to lớn giống lưng voi kỳ-dị đã bị giết, bốn chân chộn trong cát từ thuở nào. Trên đá, những lát sàn trắng phau, dan vùng lân cận đã rắn từ khi mai, đang phơi dưới ánh nắng mỗi lúc mỗi gay-gắt rực-rỡ.

Sắn trắng, cát trắng. Trông qua những sóng hơi nóng, thấy nhà cửa cây cối như chập-chờn rung-động. Hai con ngựa sắt khò dầu hý lên ken-két.

— Ngựa đã đánh hơi được quân Chàm đấy. Coi chừng tên thuốc độc ở trên đồn, trước Tinh-xá, bắn xuống !

Đồn lính ? Chiêm-binh huy động trong tiếng tù-và tiếng trống baranôn, dưới sự chỉ-huy của mấy ông Senapti hung-tợn ?

Nào đâu thấy ! Chỉ một khoảnh đất : trong cây cỏ lúp-xúp lô-nhô mấy đông gạch nát ; ở giữa, trên mặt nước đục ngầu của một hồ cạn, bầy vịt đang lội và rỉa lông. Người chăn vịt lơ đễnh hoa qua hoa lại một lá cờ rách rưới buộc trên cán dài.

Đạp luôn một mạch hơn ba mươi cây số, dưới trời nắng chang chang chúng tôi thấy hơi mệt, bàn rủ nhau vào nghỉ dưới bóng những cây « cốc » to lớn.

Một người nông-phu đi ngang đấy. Bạn tôi vẫy đến trò chuyện, rồi hỏi :

— Anh tên gì ?

— Tôi tên là Trà-X...

— Nhà ông tộc-trưởng của anh ở đâu đây ?

— Trên xóm kia.

— Trên tháp mấy lúc nầy có gì lạ không ?

— Hiện có bọn du-côn ở trên ấy.

Tôi ngạc-nhiên. Bạn tôi, ý chừng ở Quảng-nam lâu nên hiểu được ít nhiều ngôn-ngữ và cử-chỉ của dân miền này, ngó tôi mỉm cười rồi nói tiếp :

— Tụi du-côn ấy thế nào ? Chúng nó đã giết mấy người rồi ?

— Họ nằm gậy, đội mũ, mặc quần áo cụt. Họ tử tế, có giết ai đâu. Kìa kìa hai thằng đương đi đâu xa...

Chúng tôi trông theo ngón tay của anh chàng họ Trà ấy, thì thấy hai anh hướng-đạo đang đi khiêng nước dưới khe ! Xin lỗi các anh hướng-đạo hôm ấy đã niềm nở tiếp chúng tôi tại Đồng-dương chắc hẳn các anh cũng không ngờ rằng đã được dân gian vùng nầy gọi bằng một danh hiệu lạ lùng như thế...

* * *

II — Tinh-xá Indrapura.— *Theo một người mộ-đạo tưởng tượng.*

Nắng giội trên cát, trên ruộng, trên cây cối. Đất vàng nầy xem chừng không tốt lắm ; nhà cửa thưa thớt, nước thì có ít, Sông Ly-ly ẩn mình tận đàng xa. Nếu khôn có những đống gạch dưới chân chúng tôi, và, trong vòm cây gần lấy, thấp thoáng nét đỏ chói của tháp, đền, đương đọ với màu xanh, lục của vòm cây lá ngọn, thì cũng khó tưởng tượng được rằng, hồi trước tại đây là một đô-thành phồn-thịnh, nhà cửa chi chít đông-đúc. Các nhà ở Chiêm-thành phần nhiều làm bằng gạch không được chắc chắn như tháp ; tựu trung lại có nhà làm bằng gỗ cất trên nền gạch, nên sau khi trải qua bao nhiêu cuộc chiến bại, mấy lần bị thiêu đốt, nay không còn một cái nào cả. Chỉ duy tinh-xá để thờ Phật Laksmindra Lokeçvara, quy-mô to lớn đồ sộ thì còn chịu được với thời-gian, hiện đang giấu quang-cảnh điêu-tàn thê-lương trong các vòm cây um-tùm trước mắt chúng tôi.

Tuy mải theo đuổi các ý nghĩ ấy, chúng tôi vẫn thấy ngường ngượng sau gáy, và có cảm-giác rằng gần đâu đây, gần lắm có người đang rình chúng tôi. Thì kìa, trong bụi rậm một ông Hộ-pháp (Dvarapala) bằng đá to gấp hai chúng tôi, bị chôn nửa người đang vùng vẫy, trợn mắt, hếnh mũi, cố rút mình ra khỏi gạch và dây cỏ vấn-vít chung quanh để tiến đánh chúng tôi. Trong lúc dùng sức quá mạnh hàm răng lớn lòi ra ; miệng hả toát thấu mép tai hình như đương hét với chúng tôi.

— « Bọn mầy còn đến đây làm gì nữa, bớ quân Yavana (2) ác nghiệt kia ? »

Chúng tôi vừa quay đầu, tránh cặp mắt giận dữ ấy, thì trong lá phía bên phải, lại bị cặp mắt khác với dáng điệu hung hăng ấy vồ lấy chúng tôi. Ông Hộ-pháp nầy cũng to lớn như ông kia, khỏi bị chôn nửa người dưới đất.

Thực không vì não lòng bằng điệu bộ hai ông Hộ-pháp to lớn dữ-tợn ấy đang đứng giữ một đống gạch nát, đất tàn, rêu phong, cỏ phủ. Bất giác chúng tôi nhớ đến bài thơ cổ :

« Ông đứng làm chi đấy hỡi ông ?
« Trơ trơ như đá vững như đồng
« Đêm ngày gìn-giữ cho ai đó ?
« Non nước vơi đầy có biết không ? »

Kể ra non nước vơi đầy đã nhiều lần mà tang-thương biến-đổi cũng lắm bận. Lối mòn cỏ mọc trước mắt chúng tôi khi xưa là con đường lát gạch rộng rãi, hai bên, trong những quán xá tấp-nập, các cô Chiêm-nữ tuyệt mỹ, thân hình thơm những long-não và xạ hương, uyển-chuyển trong những cai kama ngũ sắc, đang vui vẻ tươi-cười bán cho kẻ mộ-đạo đi dâng hương, những cái tượng thần nho-nhỏ. Hết con đường ấy, chầu hai bên cửa chính đồ-sộ của tinh-xá là hai tháp-trụ cao chót-vót có những đường ngấn tròn. Nom qua tháp-trụ và cửa chính ấy, thì kẻ mộ-đạo bất giác cúi đầu vì đã thấy được không biết bao nhiêu đền thờ nguy-nga tráng-lệ. Kẻ mộ-đạo khép-nép dưới bốn tia mắt của hai ông Hộ-pháp khổng-lồ mà lách mình qua cửa chính để đi trên một con đường gạch ép giữa hai hàng vách cao của du-đạo viện.

(Còn nữa)

MẪN KHÁNH DƯƠNG KỲ

(1) Theo một cái bia ở Đồng dương thì vào cuối thế kỷ thứ IX nước Chiêm-thành đóng đô tại đó. Nhưng đã có nhà học giả nghi rằng không biết nước Chiêm-thành về thời ấy đóng đô tại Đồng-dương hay Trà-kiệu (Sinhapura). Về vấn-đề này ông Finot nói :

« Không có một tài-liệu gì cho ta kết-luận rằng vua Chàm đã có một kinh-đô gọi là Sinhapura. Tên này chỉ thấy nói trong bi-văn ở Mỹ-sơn, nhưng hết-sức mù-mờ, trừ ra đoạn có chữ kraun Sinhapura, chỉ rằng Sinhapura hồi ấy ở trên bờ một con sông (kraun) (sông ấy là sông Thu-bồn : lời chú của dịch-giả). Trái lại, ta rất chắc-chắn rằng về cuối thế-kỷ thứ IX, kinh-đô nước Chiêm-thành là Indrapura. Nhưng chẳng may cái bia ở Đồng-dương cho ta biết điều ấy lại quả-quyết thêm rằng kinh-đô Indrapura ấy ở « đây », nghĩa là tại Đồng-dương : nhưng di-tích ở Đồng-dương lại không phù-hiệp với cảnh kinh-đô chàm mà người Tàu đã tả ; trái lại Trà-kiệu thì đúng với cảnh ấy lắm. Ta có thể bảo một cách dung-dị như thế này chăng : chính là cái bia, chứ không phải kinh-đô chàm đã đổi chỗ. Nếu như bia ấy đã bị đem từ Trà-kiệu đến Đồng-dương, thì vấn-đề này không còn gì khó khăn nữa » (Introduction à l'étude de l'Annam et du Champa, của J. Y. Claeys trang 27, 28).

(2) Yavana là người Việt-Nam.

Luận về tư-duy

(*Tiếp theo trang 16*)

ra, vũ trụ cũng phải bất di bất dịch. nếu cây cỏ mỗi lúc thay đổi thì ta biết trồng giống nào và không trồng giống nào ? Trồng một cây lúa có chắc được ăn lúa thì ta mới trồng. Nếu trồng lúa mà đến lúc gặt chỉ có khoai, hay ngô, hay cỏ hoang, rau độc, thì chúng ta sinh tồn sao nổi! Vũ trụ lúc nào cũng phải giống lúc nào : vũ trụ phải bất di bất dịch, *vũ trụ phải đồng nhất* (identique). Bạn đọc sẽ thấy trong hai mươi thế kỷ, đồng nhất nguyên tắc đó giữ một địa vị quan trọng đến bực nào trong tư tưởng triết học.

Nhưng, tuy cần đến sự đồng nhất như thế, người xưa cũng đã nhận thấy những sự thay đổi. Thì nhìn quanh ta, nơi chốn nào là không thấy thay đổi : lúa khi trồng với lúa khi gặt không giống nhau. Trời hôm nay với trời hôm qua không giống nhau. Sự thay đổi ấy có thể làm cho những hành động của ta trở nên vụng về và lúng túng nếu ta không tìm cách tiên liệu. Tiên liệu nghĩa là biết rõ rằng một vật gì bây giờ *ở đâu* lúc nầy đã ở đâu và chốc nữa sẽ ở đâu. Không những thế, tiên liệu còn nghĩa là biết rõ rằng một vật gì bây giờ *thế nào*, lúc nầy đã thế nào và chốc nữa sẽ thế nào. Trí óc ta cắt sự chuyển biến thành nhiều khoảnh khắc thật nhỏ : trong mỗi khoảnh-khắc nhỏ ấy sự vật không chuyển biến. Chúng ta « biết » sự vật không khác gì một chiếc máy ảnh, hay đúng hơn một chiếc máy quay phim. Trí óc chúng ta ghi sự thật không khác gì trên những cuộn phim chớp bóng : đó là một hàng dài những hình ảnh không động đậy. Nhưng ghép những hình ảnh đó bên nhau, ta thấy chuyển biến.

Tóm lại, tư-duy của ta chỉ nhìn thấy trong vũ trụ những cái *riêng biệt và không thay đổi*. Trí khôn của ta chỉ biết rõ cái « *tĩnh* » vì chúng ta chỉ hoạt động được có kết quả trong những gì có tính cách « tĩnh ». Giữa những cuộc chuyển biến, ta bỡ ngỡ và lúng túng : ta chỉ bình tĩnh và yên tâm khi sống trong một vũ trụ mà ta coi là đồng nhất.

Tính cách quan trọng đặc biệt của tư-duy là chỉ biết đến sự đồng nhất.

*

Đời sống chung đụng trong xã hội lại làm tăng sự quan trọng của tính cách đó lên một bực nữa. Thực vậy, nói đến xã hội là phải nói đến giao thiệp : sống bên nhau, người ta không thể dửng-dưng với nhau được. Muốn cộng tác với nhau, phải hiểu nhau đã. Nhưng hiểu nhau là một vấn đề rất khó giải quyết, đối với người thời xưa.

Ta không nói đến những sự hiểu nhau sâu xa hay đằm thắm, vì người xưa chưa biết hưởng cái thú « tinh thần » của những linh hồn muốn hòa hợp trong một giây phút, hay trong suốt một cuộc đời. Ta chỉ nói đến mất sự hiểu nhau thô sơ và giản dị : hiểu nhau theo nghĩa biết những ý muốn của nhau. Ngày nay muốn hiểu nhau như vậy, chúng ta có một phương pháp rất công hiệu : *nhời nói*. Nhời nói là đồ dùng để hé mở tâm hồn ta cho người khác nhìn thấy một đôi phần. Nhời nói cũng hé mở tâm hồn người khác cho ta thấy nữa.

Nếu ta đem xét kỹ tiếng nói của khắp các giống người, ta thấy những nhời nói cũng chỉ diễn tả được những sự vật *tĩnh*, như trí khôn của chúng ta. Và cũng như trí khôn, nhời nói cắt xén vũ trụ thành những phần tử *riêng biệt* và *im lìm*. Chứng thực và giảng nghĩa đều đó không có chi khó.

Ta nói cái cây và quản bút hình như là bút không làm bằng gỗ và gỗ không lấy ở cây ra, ta nói vật chất và tư-tưởng hình như là tư tưởng không có liên lạc gì đến vật chất. Gọi tên một vật gì tức là tách *riêng* vật đó ra khỏi tất cả những gì có liên lạc đến nó. Nói là phân tích vũ trụ. Nói là cắt nhỏ sự thật ra làm nhiều mảnh riêng biệt.

Những mảnh đó không những riêng biệt trong không gian, mà còn riêng biệt trong thời gian nữa. Riêng biệt trong không gian nghĩa là khác nhau, cách xa nhau, không có liên lạc với nhau. Riêng biệt trong thời gian nghĩa là không thay đổi, không chuyển động. Khi ta nói đến con bò chẳng hạn ta nói đến một con bò lúc nào cũng có hai sừng, một yếm, bốn chân v...v...

Trong tiếng con bò không có ngụ một ý thay đổi từ bé đến lớn, hay thay đổi, từ xứ này sang xứ khác

Nhời nói đóng chặt sự vật lại, cũng như trí khôn. Nhời nói khiến ta nghĩ rằng vũ trụ không lúc nào thay đổi, hay ít ra cũng có một bề trong bất di bất dịch Trước mặt ta kia đang có một cây đào. Cây đào đó dù thay đổi lúc nào cũng vẫn là một *cây đào* : bên trong sự thay đổi có một cái gì không thay đổi : vũ trụ cũng vậy, có một bề trong không chuyển biến.

Tóm lại, nhời nói, cũng như trí khôn, chỉ biết đến những gì riêng biệt (isolé), không thay đổi, những gì ĐỒNG NHẤT (identique). Vì vậy nên, nếu không có một kinh nghiệm giả-giản, tư-duy tưởng rằng chính vũ trụ bên ngoài có tính cách *đồng nhất* thực.

(Hết)

NGUYỄN ĐÌNH THI

Trích trong : « Triết học khái luận » — Một kỳ sau : *Luận về sự chuyển biến*.

(1) L'intelligence envisagée dans ce qui paraît en être la démanche originelle, est la faculté de fabriquer des sujets artificiels, en particulier des outils à faire des outils, et d'en varier infiniment la fabrication.
(L'évolution créatrice)

(2) « C'est comme une immense étoffe où nous pouvons tailler ce que nous voudrons pour le recoudre comme il nous plaira »
(Bergson: L'évolution créatrice)

Sau « đêm hội Long-trì » là thiên tiểu-thuyết lịch-sử sắp đăng hết, Tri-Tân sẽ cống hiến các bạn đọc quí mến hai món quà rất lý-thú và rất ly-kỳ :

1· **Vũ như-Tô**, kịch lịch-sử của *Nguyễn Huy-Tưởng* (Tả rõ cái say sưa, lòng yêu nghệ thuật của Vũ-Như-Tô, người có thiên-tài về khoa kiến-trúc ở đời vua Lê Tương Dực. Độc-giả nhân đó sẽ thấy cái cớ tại sao nước ta ngày xưa thiếu những kiểu lạ mẫu khéo về nghề kiến-trúc, thua kém các nước láng giềng về phần đẹp đẽ hùng tráng của các đền, đài, chùa tháp, v. v.)

2 **Cháy cung Chương-Võ** tiểu-thuyết của Chu-Thiên.

(Rồi sau Trần Thủ-Độ làm thế nào mà thống nhất được thiên-hạ? Hai nhà tráng-sĩ đế vương Nguyễn Nộn và Đoàn-Thượng vì đâu mà thua tan?

Tất cả sẽ thấy diễn ra trong cuốn **Cháy cung Chương-Võ** mà vai chính Đoàn công tử tức Đoàn-Văn con Đoàn Đông hải đại vương sẽ cho ta biết những hành động những xử sự phi thường và vô cùng cảm động.

XIN CHÚ Ý

Nhà in, tỵ Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã gọn cả lên số nhà 95, 97, phố Chanceaulme Hanoi. Các bạn cần hỏi gì xin biên thơ cho.

Ô. NG. TƯƠNG-PHƯƠNG
chủ-nhiệm tạp-chí và giám đốc nhà in Tri-Tân

Cùng các bạn làng văn

Chúng tôi có nhận xuất bản các sách thuộc về các loại :

1· Khảo cứu (sử học, văn học, triết học).

2· phiên-dịch (cổ, kim, đông, tây)

3· tiểu thuyết lịch sử, sách thanh niên v. v...

Trong khi chờ các bạn cùng chúng tôi cộng sự trong việc bồi bổ văn hoá này, chúng tôi xin phép trình bầy trước các tác phẩm đã viết.

Chúng tôi sẽ lần lượt cho xuất bản :

I — **Quan Thám kéo vó** (loại thanh niên) của Tiên-Đàm-Nguyễn-tường-Phượng

II — **Thơ ngụ ngôn La Fontaine** (văn dịch) của Cách-chi;

III — **Quang-Trung** (lịch sử ký-sự) của Hoa-Bằng

IV — **Đêm hội Long-trì** (lịch sử tiểu-thuyết) của Nguyễn-huy-Tưởng

V — **Bắc-ninh địa-chí** của Nhật-Nham Trịnh-như-Tấu và Tiên-Đàm; Nguyễn-tường-Phượng

Các hoạ sĩ: *Trịnh Vân, Nguyễn văn Tỵ* và *Phạm gia Giang* sẽ trông nom giúp về phương diện mỹ-thuật.

Vậy mong các bạn làng văn hưởng ứng với chúng tôi trong công việc xuất bản này Xin cảm tạ. **TRI-TÂN**

T. B. Các hiệu sách muốn nhận sách của Tri-Tân xin có thể ngay từ bây giờ viết thơ thương lượng.

Một buổi hội họp của các nhà Thương-mại và Kỹ-nghệ

Đến 24 Août 1943 này hội Truyền Bá học quốc ngữ sẽ mời tất cả các nhà Thương-mại và Kỹ-nghệ họp để chao đổi ý kiến và nghe ông Nguyễn-quý-Hùng, nguyên giáo sư trường Bảo hộ, nói chuyện về: « Việc phổ-cập giáo-dục Bình-dân tại Đông dương ».

Các nhà Thương-mại và Kỹ-nghệ ! Các ngài vốn là các vị ưa hoạt-động, giầu lòng từ thiện, xin hưởng ứng công việc của hội T. B. Q. N. đến họp cho đông để khuyến-khích một việc làm có ích. H.T.B.Q.N.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU TỤC-THAO

(Lối thơ tân-thành-lập)

Tác-giả : *Tùng-Vân đạo-nhân*

XXXII

Vịnh Lương-Khải-Siêu

(Thơ soạn)

Ôi ! phương Bắc, kẻ giai-nhân tuyệt-thế
Vốn con nhà lám vế, nghiệp nho sinh !
Tài Âu, Á, bút tung hoành,
Câu văn phong-vũ ; khối tình hải tang.
Nghĩa lập-hiến, tìm đường phương-tiện ;
Chữ tân-dân, mỏi miệng hô-hào.
Thu phong, phẩm-giá càng cao,
Cúc phương, lan tú, ai nào nỡ quên.

Chú-thích

Lương-Khải-Siêu : Tự Trác-Như, người Quảng-đông, học trò Khang-Hữu-Vi, nổi tiếng về triều Mãn-Thanh, nam Quang-tự ; đời gọi Khang, Lương.

Giai-nhân : Hát-nói cổ : « Bắc-phương hữu giai-nhân, tuyệt-thế nhi độc-lập, giá đã nên nhất tiếu khuynh thành.» Nay mượn chữ giai-nhân ấy để ám-chỉ Lương.

Tám vế : Tinh nghĩa tám vế, lối văn-chương Bát-cổ, tức là lối học khoa-cử cũ. Khang từng hội-thi ở Bắc-kinh, đỗ Tiến-sĩ, Lương từng hương-thi ở Quảng-đông, đỗ Giải-nguyên. Khang, Lương lại chính là người bắt đầu hô-hào Trung-hoa cải-cách lối khoa-cử ấy khiến cho thích-hợp với thời-đại.

Tài Âu, Á : Trung-hoa tự hồi Quang-tự sau này, đã biến thành trường-hợp Âu, Á đua-chen, quốc-thế mười phần khác xưa. Lương tiên sinh tài-lực học thức, tân-cựu đều yêm-bác tinh thông, rất thích hợp về hai cái văn-minh Âu, Á buổi đầu bỡ ngỡ tiếp-xúc nhau.

Bút tung-hoành : Bút trận tung-hoành, nói cách cục làm văn ; tung-hoành nghĩa là dọc ngang cũng như nói chính với kỳ. Tống thi : « Tung-hoành lễ nhạc tam thiên tự ».

Câu văn phong-vũ ; Văn Lương phần nhiều tả về trạng-thái Á vũ, Âu phong. Cổ-thi : Bút đoan phong vũ giá vân đào ».

Khối tình hải tang : Xương-hải tang-điền, nói thời cục Trung-hoa biến đổi mau chóng quá, quốc sự rối loạn, Lương vốn nhiệt-tình cứu quốc, lịch-sử Lương lại là lịch-sử thất bại. Hồi Dân-quốc sau này, Lương mất ở Thiên-tân, cũng chửa được trông thấy kết quả hay. Truyện kiều : « Nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống toàn-đài chưa tan ».

Nghĩa lập-hiến : Tức chủ-nghĩa bảo-hoàng khác với chủ-nghĩa dân-quốc.

Phương-tiện : Con đường thuận-tiện dễ đi, có thể tiến-bộ được mau chóng.

Chữ tân-dân : Lương, khi cuộc duy-tân ở Trung-hoa thất-bại, đông-độ Nhật-bản, lại tổ-chức cuộc Tân dân tùng-báo, để hô-hào về chủ-nghĩa trước.

Cúc phương, lan tú : Bài Thu-phong từ của Hán Vũ-đế : « Lan hữu tú hề cúc hữu phương, hoài giai-nhân hề bất năng vương» Giai nhân cũng như hiền-nhân. Nay nói « thu-phong » để ám-chỉ thời thế Lương, nói « lan cúc » để ám-chỉ phẩm-giá Lương và kết thúc ý nghĩa chữ « giai-nhân »,

(Bài thơ này nên tham khảo với bài « *Bàn về nhân vật Lương-khải-Siêu* » trong tạp chí Nam-phong. Vì tác giả hồi lạm dự biên tập Nam-phong đã từng có thảo ra bài luận ấy để cống hiến độc-giả)

XXXIII

Phú-đắc « Nghề chơi cũng lắm công phu »

(Thơ soạn)

Trong thiên hạ cũng nhiều nghề đó nhỉ ;
Đường công-phu ta hãng kể nghề chơi.
Phong, hoa, tuyết, nguyệt trên đời,
Ấy ai thi, hoạ, ấy ai cầm, kỳ.
Người hay thuốc, phải đứt tay khi nếm cỏ ;
Kẻ ăn sim, chăm lựa quả thủa vào rừng.
Chẳng xem nghề Đỗ-Thiếu-Lăng :
Tinh-tế đã từng, hoành dật ai đang ?

Chú-thích

Phong, hoa, tuyết, nguyệt : Truyện Kiều : « Đòi phen gió tựa hoa kề. Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu ».

Cầm, kỳ, thi, họa : Truyện Kiều : « Đòi phen nét vẽ câu thơ. Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa ».

Đứt tay : Phương ngôn : « Đứt tay mới hay thuốc ».

Nếm cỏ : Cổ sử : « Vua Thần-Nông nếm trăm thứ cỏ ». Đứt tay và nếm cỏ là nói có công phu học tập và thí-nghiệm.

Ăn sim lựa quả : Phong-dao : « Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh. Quả chín thì hái quả xanh thì đừng » Là nói có công phu tìm hái và lựa chọn.

Nghề Đỗ-Thiếu-Lăng : Tức nghề thơ. Tống Chu-Hối-Am phẩm-bình thơ Đỗ-Thiếu-Lăng : « Sơ-niên rất tinh-tế, vãn niên hoành-dật chẳng ai đang» Là nói để công phu về đường tinh-tế rồi mới tiến bộ vào cõi hoành-dật. Đỗ-Thiếu-Lăng còn như vậy, huống chi người khác du.

(sẽ tiếp)

Hà-đông, LI-ÁN-THỊ

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 3

MINH-TUYỀN

Đàn-tuần-lộc ruổi-giong đường hướng Bắc,
Lũ voi già, sư-tử «éo về Nam.
Núi hiểm-trở, non cao rừng rậm đặc,
Giọi tà-huy, ủ-dột gió mây ngàn.

***

Bãi sa-mạc giải dài như bể lặng,
Nồi sóng yên nhô-nhấp nối chân giời.
Làn nước đứng, nâu hồng pha tím trắng,
Chở đoàn tầu ốc-đảo lá xanh tươi.
Rồn-rập lại tự thiên-biên xa tít,
Lớp hắc-ba tung bụi hóa mây vàng,
Ồ-ạt tiến thẳng trông miền núi biếc
Cỏ-chà-là, thốt-nốt bọc trường-giang.
Ấy trăm vạn lạc-đà một hai bướu,
Vời ngựa vằn, tê-giác, đại-tinh-tinh,
Hợp đoàn-thể cùng hồng-hạc, đà-điểu,
Ngao-du ngoài biển cát rộng mông-mênh.

***

Ôn đồi xứ, tùm-um rừng trắc-bá,
Bạch-dương lâm, thấp-thoáng bóng anh-đào.
Lần chuỗi tuyết, tóc mây buông lõa-xõa,
Lách màn sương, thác gió chầy ào-ào.

. . . . . .

***

Bình minh lại, báo tin ngày khánh-hạ,
Mở kho vàng, gieo-rắc khắp non sông.
Trái đất ngập ánh huy-hoàng mới lạ,
Phủ sương mờ lóng-lánh tuyết nhung hồng.
Gió thoang-thoảng xe hương, truyền khoái-trá,
Vuốt doanh-hoàn chói-lọi ngọc lung-linh,
Mang ấm-áp sưởi hun miền lạnh giá,
Chở tiết xuân, quạt mát nóng khô cành.
Trong veo-vẻo giãi phơi lòng biển lặng.
Quyện thiêng-liêng mây khói dỉnh non mờ.
Khảm thạch-bích nhấp-nhô đồi cuội trắng.
Nạm kim-cương loáng-nhoáng ngọn rừng tơ.
Muôn tinh-tú xa-xăm cùng tấu-nhạc,
Với thái-dương ca-vũ khúc hân-hoan.
Vang vũ-trụ nhịp du-dương hỷ-lạc,
Lắng tai nghe, vạn vật chốn trần-gian,
Bỗng lảo-đảo say-sưa, rồi nhập điệu,
Như mê-man, cuồng-sảng, nổi cơn điên,
Như thúc-giục bởi bàn tay linh-diệu,
Như vâng lời dị khiếu, lệnh thiên-nhiên.
Trong bụng đất réo sôi âm-ỷ tiếng.
Rộn rừng hoa, cây cỏ mùa tưng-bừng.
Thú chậy nhầy, gầm vui, chim hót lệng.
Sao đàn sâu, nhị dế họa vang lừng.
Bể đang tĩnh, cá reo ung bọt sóng
Bắn lên mây, gió cuộn, kéo về non,
Lôi xuống núi, lửa phun, toang cửa động,
Đón vào hang, khói tỏa, cột hơi dùn.
Quang-cảnh lạ ngày muôn loài hoặn-chiến
Ở địa-cầu lộng-lẫy vẻ hoang vu,
Ngày Thủy-Tổ giống người ta xuất-hiện
Giữa vòng trời chìm bồng nhạc hoan-hô !

. . . . . .

VI

. . . . . .

VII

Hỡi Tạo-Hóa, đấng ân-nhân bất diệt,
Vị tuyệt-luân kinh-địch đáng tôn-thờ
Của Nhân Loại mê bay tìm siêu-việt,
Phá tung vòm xanh thẳm mộng say sưa !
Ngài khẳng-khít với người tình sư đệ,
Vì như thay dậy võ nặng hy-sinh,
Sau khi xét môn đồ đã thiện-nghệ,
Hiến thân làm đối-tượng thử thông tinh,

(Còn nữa)

M. T.

Đại-Nam Dật-Sự

(*Tiếp theo trang 8*)

bấy giờ đi đánh Lâm-ấp). Nguyên cha con Lý-Tốn là người dũng tráng, có quyền-lực, oai dậy đất Nam, nghe thứ-sử là Đằng-độn. Chi sắp đến, mới sai hai con chặn các chỗ hiểm-yếu đường thủy đường lục để chống-cự.

Mùa thu, tháng bảy, năm tân-tỵ (381), thái-thú Giao-chỉ là Đỗ-Viện cất quân đánh Lý-Tốn, chém được, bờ cõi châu Giao lại yên. Nhà Tấn thăng Đỗ-Viện làm Long-nhượng tướng-quân. Đến tháng ba năm kỷ-hợi (399) vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadravarman I, 380-413; xem Georges Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 61-64 vào cướp Nhật-nam, bắt thái-thú là Đinh-Nguyên, rồi tràn vào Cửu-đức bắt thái-thú là Tào-Bính: Đỗ-Viện sai đốc-hộ là Đặng-Đạt đi đánh, phá được. Nhà Tấn liền cho Đỗ-Viện làm thứ-sử châu Giao. (Sử Tống, sử Lương và quyển *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* đều chép năm Long-an thứ ba (399) thăng Đỗ-Viện làm thứ-sử về việc đánh được Lâm-ấp; *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên và toàn-thư, chép vào năm Thái-nguyên thứ sáu (381) về việc đánh Lý-Tốn, thì nhầm (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 22 b).

Đỗ Viện làm thứ-sử Giao-châu được hơn mười năm. Đến khi mất, con thứ năm là Đỗ-tuệ-Độ nối chức.

Tháng tư năm tân-hợi (411) hiệu Nghĩa-hy thứ bảy đời Tấn An-đế, giặc nhà Tấn là Lư-Tuần chạy đến ở Giao-châu. Nguyên-Lư-Tuần theo Tôn-Ẩn làm phản. Ẩn chết, Tuần đầu hàng với nhà Tấn: nhà Tấn cho làm thứ-sử Quảng châu (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3 tờ 23 a, và *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 a; còn *Đại-Việt sử ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 9 a, và *An-nam chí-nguyên*, quyển 3, trang 176, chép Lư-Tuần làm thái-thú Vĩnh-gia).

Đến năm 411, lại làm phản, bị tướng của Lưu-Dụ là Lưu-phiên đánh. Lư-Tuần thua, chạy sang Giao-châu. Lúc bấy giờ Đỗ Viện đã mất, vua Tấn cho con là Đỗ-tuệ-Độ lên thay làm thứ-sử. Chiếu chưa tới nơi, Lư-Tuần đã đánh úp, phá được Hợp-phố, lại đi tắt đến châu Giao Đỗ-tuệ-Độ đem quan văn võ ở châu phủ sáu nghìn người (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 b) chống nhau với Lư-Tuần ở trấn Thạch-ỷ, phá được. Dư-chúng của Lư-Tuần còn hai ba nghìn người. Lại có con cháu của Lý-Tốn là Lý-Dịch, Lý-Di và Lý-Thoát họp-tập những lái lão (man-di) hơn năm nghìn người để tiếp ứng Lư-Tuần, vì thế Lư-Tuần mới đến được bến đò phía nam thành Long-biên.

Trong khi ấy Đỗ-tuệ-Độ đem hết gia-tài để làm lương cho quân-sĩ. Em là Tuệ-Kỳ làm thái-thú Giao-chỉ, Chương-Dân làm thái-thú Cửu-chân, đều đốc-thúc quân thủy quân bộ tiến đánh. Đỗ-tuệ-Độ lự lên mui thuyền đánh nhau với Lư-Tuần, ném đuốc đuổi trĩ (trĩ-vĩ đốt cháy thuyền của Lư-Tuần, đem quân bộ giáp bờ bắn xuống. Thuyền của Lư-Tuần cháy, quân tan; Tuần bị trúng mũi tên, nhảy xuống sông chết. Đỗ-tuệ-Độ sai vớt thây, chém đầu, và chém cả cha Lư-Tuần là Hỗ cùng lũ Lý-Thoát Lý-Dịch đóng hòm đưa về Kiến-khang (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 16 a, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 23 a-b).

Năm quí-sửu (413), vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadravarman I) lại vào ăn cướp Cửu-chân. Đỗ-tuệ-Độ đánh phá được, chém con nó là Giao-long vương Yên-tri (có âm nữa là Nhân-tri, hoặc Kê-tri) và tướng là lũ Phạm-Kiện, bắt sống được đứa con nữa là Na-năng và hơn một trăm giặc chàm.

Đến tháng bảy năm canh-thân (420), là năm Nguyên-hy thứ hai đời Tấn Cung-đế và năm thứ nhất đời Tống Vũ-đế, Đỗ-tuệ-Độ lại đánh Lâm ấp, được to, giết hại quá nửa. Lâm-ấp xin hàng, nộp voi lớn, vàng bạc và của báu rất nhiều. Đỗ-tuệ-Độ tha những tù binh Chàm, cho về cả, rồi sai trưởng-sử là Giang-Du dâng biểu báo tin được trận với nhà Tống.

Đỗ-tuệ-Độ khi ở châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm đền thờ dâm-thần, sửa trường cho dân học; năm đói lấy lương riêng (tư-lộc) phát-chẩn cho người nghèo. Chính-sự tiêm-tất, như làm việc nhà: quan dân vừa kính sợ, vừa yêu-mến. Cửa thành đêm mở, ngoài đường không ai nhặt của rơi. Đến khi mất vua nhà Tống tặng chức tả tướng-quân, cho con trưởng là Đỗ hoằng-Văn làm thứ-sử Giao-châu (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 16 b, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 24 b và 25 a).

Khi Tống Vũ-đế đánh phía bắc Đỗ-tuệ-Độ có xin cho Đỗ-hoằng-Văn chức hành thái-thú Cửu-chân (trong khi đi đánh giặc được lĩnh chức thì gọi là hành) Vào khoảng năm 421 - 422 Hoằng-Văn nối chức của cha, cũng là người khoan-hòa, được lòng dân, tập tước Long-biên-hầu.

Tháng tư năm đinh-mão (427), hiệu Nguyên-gia thứ tư đời Tống Văn-đế, vua Tống vời Hoằng-Văn làm chức đình-úy, cho Vương-Huy sang Giao-châu làm thứ-sử (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 10 a, chép là Vương-huy-Chi).

Lúc bấy giờ Hoằng-Văn bị bệnh, vịn vai người nhà để lên xe sang Tàu. Có người khuyên đợi bệnh khỏi hãy đi, Hoằng-Văn nói: «Ta ba đời giữ cờ tiết ở đất này, thường vẫn muốn thân-hành sang đế-đình, mà chưa được dịp nào, huống chi nay được dịp vua vời, mà không đi ngay hay sao!» Bèn cứ đi; giữa đường mất ở Quảng-châu (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 25 b).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CÙNG CÁC BẠN:

Muốn hỏi về nhà in hay tòa báo xin đến 95 — 97 phố chanceulme Hanoi

Còn hỏi về việc riêng xin đến nhà tư của tôi ở 70 phố Bạch mai buổi trưa hoặc buổi tối.

Hoa nam PHAN-XÝ-NÔNG

Giới thiệu

I. — *Cuộc tiến hóa văn học Việt nam của Kiều thanh Quế.*

Chúng tôi vừa nhận được cuốn sách đó của tác giả gửi tặng (do nhà Đời Mới xuất bản giá 2$20).

Sách có 6 thiên và mỗi thiên có từng mục. Cuối sách thêm phần phụ lục.

Thoạt đầu tác giả nghiên cứu về *chữ Hán* và thời kỳ chữ Hán thịnh hành ở nước ta với các danh nhân các đời Lý, Trần, Hồ, Lê, Nguyễn. Sau khi bàn về *chữ nôm* và *chữ quốc ngữ*, tác giả đặt câu hỏi: *Tại sao văn-học quốc ngữ chậm tiến bộ?* Rồi ông bàn đến cái đặc tính của nền văn hóa Đông Tây với hai quan niệm văn chương: I — Lý-trí, Trực-giác. II — Phổ-thông, Điển đạt.

Đến thiên cuối, tác giả luận đến cái đặc tính của Hoa văn và Pháp văn với hai tinh thần khúc chiết và đại-đồng.

Đọc hết cuốn sách, tôi thấy tác giả đã tốn nhiều công khảo cứu. Và ở hầu hết các mục, tôi cảm thấy sự cố gắng của tác giả trong sự diễn đạt tư tưởng mình một cách minh bạch và gọn ghẽ.

Thật là một cuốn sách có thể giúp cho những ai muốn biết tới sự tiến hóa của nền văn học nước nhà « qua bao nhiêu biến thiên, chi phối bởi các cuộc cách mệnh giữa *bút lông* và *bút sắt*. »

Cuốn sách của ông Kiều đã trình những « nhận xét mộc mạc về *Quá khứ* và *Hiện tại* » Chúng ta cũng nên đọc cuốn đó để nhận xét các điều tác giả đã trình bầy mà mong vào nền văn học nước nhà một *tương lai* rực rỡ.

MẠNH PHAN

II. — *Phạm-Thái* của *Phan khắc-Khoan* giá 2$10.

Chúng tôi không cần phải rườm lời giới thiệu cuốn kịch dài bằng thơ ấy của tác giả mà các bạn đọc đã có nhiều dịp thưởng thức ở trên trang báo này.

Chúng tôi chỉ nói thêm rằng ngoài các đoạn đã đăng trên Tri-Tân, tác giả đã cho in những đoạn chưa đăng báo bao giờ.

Cuối sách tác giả lại không quên hiến chúng ta mà trích những vần thơ nhẹ nhàng trong cuốn *Quỳnh như* (tức Phạm Thái II) của tác giả sẽ cho xuất bản nay mai.

Các vở kịch bằng thơ của ông bạn Phan khắc-Khoan đã được nhiều tỉnh trong ba kỳ đem lên sân khấu.

Chúng tôi vui lòng giới thiệu cuốn sách của ông với các bạn đọc.

MẠNH PHAN

Đón coi

1) Huyện Thọ-xương với thành-phố Hà-nội (có kèm bản đồ)

Biệt-lam TRẦN HUY-BÁ

2) Ngô-thì-Nhậm...

SÔNG-BẰNG

Đón coi

Tác phẩm viết công phu nhất của *NGUYỄN TUÂN*

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang. In đẹp

Bản thường: 5$00

Gấy quý: 20$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-văn-Phúc

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 30

NGUYỄN HUY TƯỞNG

— Mẹ ở Thanh mới ra, chưa kịp về phủ. Nghe chuyện con Quỳnh-Hoa, mẹ đến ngay phủ Đặng-Lân đón nó về...

Thái-phi lấy khăn lau nước mắt, rồi hỏi tiếp :

— Sao con lại dại dột thế? Mẹ không hiểu con nghĩ ra sao cả! Con đã biết chưa? Con Quỳnh-Hoa ốm thập tử nhất sinh, người chỉ còn có da bọc xương, nó có tội gì mà con đầy-đọa nó thế? Mẹ ra chậm một chút thì có lẽ không kịp nhìn mặt nó nữa!

Thái phi lại khóc. Chúa lặng yên không nói một câu nào. Một hồi lâu Thái-phi lại hỏi :

— Con nghĩ thế nào mà lại gả con cho một đứa vô lại? Mẹ tưởng con nên giết con Quỳnh-Hoa đi còn hơn, đạo làm cha có ai lại thế?

Thái phi đã mấy lần định nói Tuyên-phi. Nhưng lại sợ gợi cái hình ảnh ghê gớm kia trong óc chúa Tĩnh-đô. Chính bà cũng sẽ cất mạ lực của người con gái làng Chè. Chúa Tĩnh-đô vẫn chắp tay đứng mặt cúi gằm, không dám nhìn mẹ. Thái-phi đăm đăm nhìn chúa, bà lự hỏi : « Không biết chúa tỉnh ngộ hay, hối hận? » Bà đứng dậy, nói dỗi :

— Sao mẹ hỏi, con không nói? Nếu con không bằng lòng, thì mẹ lại đem con Quỳnh-Hoa giao trả Đặng-Lân.

Thái phi phất áo định lui vào Chúa quỳ xuống thưa :

— Lậy mẫu thân, xin mẫu thân hãy ở lại, để con theo mẫu thân vào thăm chau. Mẫu thân đừng giận con. Mẫu mủ sinh ra, có lẽ nào con chẳng xót? Và những nhời mẫu thân dạy toàn là những nhời hay nhẽ phải, con đâu dám bỏ qua.

Thái phi nói :

— Con theo mẹ sang đây. Mẹ đã cho đòi ngự y đến bốc thuốc. Khốn nạn, Khê-trung-hầu không có đó, mẹ vất-vả, như thiếu mất một cánh tay. Mà con Quỳnh-Hoa trong lúc mê sảng, thường cứ gọi Khê trung-hầu chỉ vì....

Bà muốn trách, nhưng không nói hết. Chúa buồn rười rượi, nhớ người Thái giám trung thành, mà chính tay chúa đã đưa vào chỗ chết. Chúa thương người lão bộc trải thờ mấy đời trong phủ chúa, và cảm thấy tất cả cái vô-ý-nghĩa của mình khi sai Hầu đi hộ-vệ Quỳnh-Hoa. Thiếu bóng Khê-trung-hầu, vương phủ như thêm vắng vẻ. Thái phi đi vào, chúa bước theo sau.

Giữa lúc ấy có tiếng ầm ầm ngoài phủ, khiến cho Thái-phi và chúa cùng quay lại.

Một tên nội-giám bước lên thềm Chúa hỏi :

Cái gì đó?

Bẩm chúa-thượng, dân chúng kinh thành...

Thái phi gắt :

— Họ làm gì?

— Tâu thái phi, họ đứng chật ngoài phủ đợi xem Chúa thượng xử Nguyễn-Mại.

— Xử Nguyễn-Mại? Nguyễn-Mại, tướng tâm phúc của Việp Quận-công? Hắn có tội gì?

Chúa Tĩnh-Đô kể lại câu chuyện và rút trong tay áo lá sớ của Nguyễn Mại trao cho Thái-phi. Thái phi xem xong, mặt vừa lộ vẻ kinh ngạc vừa vui mừng :

— Ý con nghĩ sao?

— Nguyễn Mại đã trái lệnh con.

— Mẹ thì cho Nguyễn-Mại là một tráng sĩ.

— Không trị tội Nguyễn-Mại thì phép nước không nghiêm.

— Con nỡ lạ chứ? Nguyễn-Mại, mẹ đã biết. Người ấy đã liều thân vì nước ở cõi sa-trường, người ấy chỉ biết lấy quốc gia làm trọng. Hắn nhà nghèo, mẹ già, vợ thơ, con dại. Như người ta, hắn cứ giữ chức Hộ-Thành, yên hưởng phú quý, chả hơn ư? Hắn đã hi-sinh hết cả, trừ hạt một đứa rông còn, mẹ tưởng không còn có cái gương trung-nghĩa nào hơn nữa?

— Con cũng biết, mà cũng vì thế nên đã trọng dụng Nguyễn-Mại và đã tha thứ cho nhiều.

— Con lại nên tha thứ cho hắn để nêu gương trung-nghĩa.

— Nhưng hắn là kẻ lộng hành. Hắn đã giết con rể...

— Con rể!... Con nhận rể, nhưng mẹ không nhận cháu rể. Huống chi rể chúa mà loạn phép nước cũng không dung. Nguyễn Mại làm thế là phải lắm.

Thấy chúa ngần-ngừ, Thái-phi rầu rầu nét mặt, nói thêm :

— Con nên nghĩ đến cơ nghiệp tiên vương, xa kẻ dở, gần người hay. Tổ tông ngày xưa sở dĩ làm nổi đại sự, gây nổi cơ-đồ, chỉ vì biết trọng những bậc trung thần nghĩa sĩ. Con nên theo chí tiên vương. Muốn cho vương nghiệp vững bền, tất phải trọng phép nước. Phép nước đối với kẻ có tội dù là thân thích cũng không dung thứ. Nay Nguyễn-Mại vì ta trọng phép nước, lẽ nào ta lại vì tình riêng mà giết cho đành? Con đã biết Nguyễn-Mại là người trung-nghĩa, thế mà lại định đem làm tội có khác chi tự nhổ vây cánh không? Con nên để cho thiên hạ biết cái nhẽ : « Đại nghĩa diệt thân » thì quốc-gia may lắm, cơ-đồ nhà Trịnh may lắm

Chúa Tĩnh-Đô vẫn là người anh-minh và là người có một tinh-thần gia tộc rất mạnh, hằng ngày chỉ lo khuếch-trương cơ-nghiệp họ Trịnh. nên nghe Thái-phi nói, chúa tỉnh ngộ ngay. Chúa không còn là một gã sĩ tình nữa, chúa là một vị quốc-trưởng biết lo đến vương nghiệp và đặt quốc gia lên trên mọi sự.

Chúa xụp lậy Thái-phi và thưa :

— Con ngu muội, nay được mẫu-thân khai phá cho óc u-mê. Con xin theo nhời dạy của mẫu-thân.

Thái-phi và chúa đã sang tới phòng quận-chúa. Trên giường, nàng nằm nhìn có ý chờ đợi, mặt vô vàng, không còn khí sắc nữa

Thấy chúa, nàng vui vẻ, mắt nàng bừng sáng. Nàng se-sẽ nói :

— Cũng chờ mãi phụ-vương

Nàng trừng trừng nhìn chúa. Tĩnh-Đô vương chạy lại, vén màn cúi xuống cầm lấy tay con, chúa lạnh toát người ; vì tay nàng chỉ như cái giò tre khô đét. Chúa hỏi :

— Con cha có đỡ không ?

Mặt chúa đầy hối hận. Quỳnh-Hoa, đôi mắt dại vẫn nhìn cha Một lúc nàng ứa lệ, phều phào nói :

— Tâu phụ vương con không qua khỏi được nữa. Con chết đến nơi rồi. Con chỉ chờ phụ-vương là đi thôi. Con chết đi, phụ vương cũng đừng tiếc gì. và phụ vương tha cho con tội bất hiếu..

Tĩnh-vương nhìn con quả nhiên đã thấy phảng phất hình chết. Chúa giữ chặt lấy tay con, như để bảo hộ nàng. Ngài nói :

— Con không được nói nhảm. Con uống thuốc, rồi lại khỏi...

Nàng lắc đầu :

— Tâu phụ-vương, con tự biết lắm. Mệnh con chỉ còn tính từng giờ. Con sắp phải vĩnh biệt cùng quốc-mẫu và phụ-vương. Trước khi nhắm mắt, con xin phụ-vương một điều.

— Con xin gì, cha cũng không tiếc.

— Xin cha trọng dụng chàng Bảo-Kim. Con đã phụ tình chàng, phụ vương hãy vì con mà trả nợ cho con.

Chúa cảm động, nghẹn ngào. Mắt Quỳnh-Hoa đã dại hẳn, miệng còn lầm-bầm :

Bảo-Kim ! Bảo-Kim !

Nàng nhìn Thái-phi, lại nhìn chúa một lần cuối cùng nói liu-riu :

— Lậy quốc-mẫu, lậy phụ vương. Con xin vĩnh-biệt !

Chúa ôm lấy nàng Quỳnh Hoa đã lịm đi. Trong giây lát, nàng trào lệ thở hơi cuối cùng trong tay chúa. Tĩnh Đô vương như điên như dại, mãi không chịu bỏ con ra, nhìn con qua nước mắt chốc chốc lại thở dài. Đến đây có tiếng dân gian reo hò ngoài phủ. Thái phi gạt nước mắt, bảo chúa :

— Nó xấu số, tiếc cũng vô ích. Con để nó đấy cho mẹ, còn con nên ra ngay nhà nghị sự, xử Nguyễn Mại đi, kẻo công chúng mong chờ.

Chúa Tĩnh-Đô nói :

— Quỳnh Hoa vì con mà chết Oan hồn nó bao giờ tiêu tán được ! Con không còn thiết làm gì nữa..

— Nói xong chúa lại trào lệ. Thái phi phải lấy nghĩa nhớn dẫn dụ, chúa mới chịu buông Quỳnh-Hoa đặt nằm ngay ngắn và vuốt mắt cho nàng. Chúa nhìn con tần ngần không chịu đi. Mặt nàng yên tĩnh miệng còn điểm nụ cười hiền hậu.

Lòng thương Quỳnh-Hoa chiếm cả tâm hồn chúa Tĩnh Đô, và đồng thời tất cả lòng chán ghét Đặng Lân cũng nổi dậy. Chúa căm giận Lân đến nỗi lúc ấy, nếu em Tuyên phi còn sống, chúa cũng chính tay giết chết. Chúa thật thiểu ra nhà Nghị sự. Tĩnh vương lên ngồi trên sập. Đèn nến thắp sáng trưng. Mặt chúa uy nghiêm nhưng vẻ buồn nặng tĩu. Các quan văn vũ đứng hầu hai bên. Đao phủ dẫn Nguyễn Mại vào Chàng mặc áo tội nhân, cổ đeo một thanh kiếm. Trông chàng vẫn một vẻ ngang tàng. Chúa thầm cảm phục. Mại quỳ xuống, hô muôn tuổi và tâu.

— Tâu chúa thượng, hạ thần có tội, xin chúa thượng cho đem ra chính pháp.

Tĩnh vương phán :

— Sao ngươi dám giết Quốc cữu

— Tâu chúa thượng, Mại ung dung đáp, Quốc cữu đi chơi, đem theo cả giường chiếu, bắt con gái hiếp dâm ở giữa đường. Thấy việc dâm ác, loạn kỷ cương, khinh phép nước, hạ thần vì chức vụ đã lập tức chém bêu đầu. Nhưng vì trót phạm đến một vị quốc thích, tự biết là có tội, vậy xin chúa thượng giết ngay hạ thần để khỏi hại đến tình riêng trong chăng quyền.

Chúa đăm đăm nhìn Nguyễn Mại. Lòng khảng khái, tinh thần vị nghĩa của người thanh niên càng làm tăng mối cảm tình có sẵn của chúa đối với chàng. Chúa trầm ngâm một lúc rồi phán :

— Biết trọng phép nước, nhà ngươi thực đáng khen chẳng những không bắt tội, ta còn trọng thưởng cho. Còn về tình riêng để mặc ta xử trí

Lại quay bảo các quan :

— Nguyễn Mại là một nghĩa sĩ chân chính. Ai cũng có tấm lòng hào hiệp như Mại thì làm chi nước không yên, dân không mạnh ? Các ngươi nên nhớ lấy : ta vì việc công mà tha tội cho Mại, để tỏ cho thiên hạ biết cái lẽ vì nghĩa lớn bỏ tình riêng.

Chúa đứng dậy, truyền lệnh cởi trói cho Nguyễn Mại. Chàng lễ tạ. Tĩnh vương phất áo vào trong, lòng nhẹ như vừa trút được một gánh nặng. Chúa vừa vén rèm thì một người đã quỳ xuống trước mặt, tay ngọc cầm lấy tay chúa, và khóc nức nở. Chúa nhận ra Tuyên phi, chưa kịp nói gì, thì nghe ngoài phủ tiếng reo ầm ầm : « Quan Hộ được tha, vương gia muôn tuổi ! Quan Hộ được tha, vương gia muôn tuổi » — Tiếng reo vang lừng, mênh mang như sóng — Tĩnh Đô cố kéo Tuyên phi dậy, nàng đã ngất trong tay Ngài...

(Hết)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nưu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vercé bouffant *8$50*
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, ở phụ ca *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp lục.*

Giá 2$40

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN-NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ điển thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà cổ điển cổ, thật là một cái công to với quốc-văn, bộ tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer - HAIPHONG

MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ
« SỨC KHỎE MỚI
HAN THUYÊN *của P. N. KHUÊ — Giá 3$50*

25 8-43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP
ĐỜI THƯỢNG CỔ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »
của NGUYEN ĐỨC QUỲNH
Giá 2$50

Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm 0$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN - THUYÊN
71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi